Nội dung GDQP-AN HP1

[BÀI 1 (16 Câu) 1](#_Toc137669394)

[BÀI 2 (67 Câu) 2](#_Toc137669395)

[BÀI 3 (70 Câu) 10](#_Toc137669396)

[BÀI 4 (28 Câu) 18](#_Toc137669397)

[BÀI 6 (74 Câu) 30](#_Toc137669398)

[BÀI 7 (70 Câu) 42](#_Toc137669399)

[BÀI 10 (20 Câu) 67](#_Toc137669400)

# BÀI 1 (16 Câu)

**Câu 1. Nội dung giáo dục QPAN Học phần I là những vấn ề cơ bản về ường lối:**

1. Quốc phòng, an ninh của Đảng
2. Quân sự của Đảng
3. Cách mạng của Đảng
4. Chiến lược quân sự của Đảng

**Câu 2. Một trong những iều kiện ể sinh viên ược dự thi kết thúc học phần là có ủ:**

1. 80% thời gian học tập trên lớp
2. 75% thời gian học tập trên lớp
3. 90% thời gian học tập trên lớp
4. 70% thời gian học tập trên lớp

**Câu 3. Nội dung giáo dục QPAN Học phần II là những vấn ề cơ bản về công tác:**

1. Quốc phòng, an ninh
2. Phòng thủ quốc gia
3. Xây dựng nền quốc phòng D. Xây dựng nền an ninh

**Câu 4. Nội dung giáo dục QPAN Học phần III là những vấn ề cơ bản về:**

1. Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK
2. Các môn kỹ thuật, chiến thuật, học thuật quốc phòng, an ninh
3. Chiến thuật, kỹ thuật chiến ấu và ội hình, ội ngũ ơn vị
4. Các môn chung về quân sự, an ninh và bắn súng tiểu liên AK

**Câu 5. Chứng chỉ giáo dục QPAN là một trong những iều kiện ể:**

1. Xét tốt nghiệp cao ẳng, ại học
2. Tính iểm trung bình các môn học
3. Xét cấp học bổng cho sinh viên
4. Xếp loại học lực của sinh viên

**Câu 6. Một trong những iều kiện ể sinh viên ược dự thi kết thúc học phần là:**

A. Có điểm các lần kiểm tra ạt từ 5 iểm trở lên

1. Có ầy ủ iểm của các lần kiểm tra
2. Có ủ 70% thời gian học tập trên lớp
3. Có ủ trên 50% thời gian học tập trên lớp

**Câu 7. Đối tượng ược miễn học môn học giáo dục QPAN là học sinh, sinh viên:**

1. Có bằng tốt nghiệp sỹ quan quân ội, công an
2. Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự
3. Bị ốm au, tai nạn ang iều trị tại bệnh viện
4. Thuộc lực lượng dân quân tự vệ thường trực

**Câu 8. Phương pháp ược sử dụng ể nghiên cứu giáo dục quốc phòng- an ninh:**

1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết
2. Phương pháp nghiên cứu tổng hợp
3. Phương pháp nghiên cứu thực tế
4. Phương pháp nghiên cứu giả thuyết

**Câu 9. Đối tượng ược tạm hoãn môn học giáo dục QPAN là học sinh, sinh viên:**

1. Bị ốm au, tai nạn, thai sản
2. Thuộc dân quân cơ ộng của ịa phương
3. Thuộc lực lượng tự vệ của cơ quan
4. Đã tham gia nghĩa vụ quân sự

**Câu 10. Đối tượng ược miễn học môn học giáo dục QPAN là học sinh, sinh viên:**

1. Người nước ngoài
2. Đã tham gia dân quân tự vệ
3. Bị ốm au, tai nạn
4. Đã tham gia nghĩa vụ quân sự

**Câu 11. Các quan iểm của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiến hành chiến tranh nhân dân ều có tính kế thừa và phát triển những truyền thống:**

A. Quân sự ộc áo của dân tộc B. Dựng nước, giữ nước của ông cha

1. Đoàn kết toàn dân ánh giặc
2. Tinh thần yêu nước nồng nàn

**Câu 12. Quá trình nghiên cứu, phát triển giáo dục QPAN, phải nắm vững và vận dụng các quan iểm:**

1. Quan iểm hệ thống; quan iểm lịch sử, lô gic; quan iểm thực tiễn
2. Quan iểm tổng thể; quan iểm lịch sử, lô gic; quan iểm thực tế
3. Quan iểm thống nhất; quan iểm lịch sử, cụ thể; quan iểm thực tiễn
4. Quan iểm tổng quát; quan iểm lịch sử, lô gic; quan iểm thực hành

**Câu 13. Đối tượng ược miễn học thực hành kỹ năng quân sự là học sinh, sinh viên:**

1. Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự
2. Bị ốm au, tai nạn, thai sản
3. Người nước ngoài học tại Việt Nam
4. Đã hoàn thành nghĩa vụ dân quân

**Câu 14. Cơ sở phương pháp luận chung nhất của việc nghiên cứu giáo dục QP, AN là:**

1. Học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh
2. Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng quân sư Hồ Chí Minh
3. Triết học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh và ường lối, quan iểm của Đảng

**Câu 15. Trong nghiên cứu lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng QPAN cần sử dụng kết hợp phương pháp dạy học:**

1. Lý thuyết và thực hành
2. Kỹ thuật và chiến thuật
3. Lý luận và thực tiễn
4. Học tập và rèn luyện

**Câu 16. Cơ sở lý luận ể Đảng ta ề ra chủ trương, ường lối chiến lược xây dựng nền QPTD, xây dựng LLVTND và tiến hành chiến tranh BVTQ là học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về:**

1. Chiến tranh, quân ội và bảo vệ Tổ quốc
2. Cách mạng và giải phóng dân tộc
3. Vấn ề giai cấp và ấu tranh giai cấp
4. Đấu tranh giành và giữ chính quyền

# BÀI 2 (67 Câu)

**Câu 1. Theo quan iểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, chiến tranh là một hiện tượng:**

A. Chính trị-xã hội

B. Tự nhiên-xã hội

1. Lịch sử-xã hội
2. Lịch sử-tự nhiên

**Câu 2. Quân ội nhân dân Việt Nam mang bản chất:**

1. Giai cấp công nhân
2. Của người nông dân
3. Giai cấp công, nông
4. Nhân dân lao ộng

**Câu 3. Lênin xác ịnh nguyên tắc oàn kết quân dân trong xây dựng quân ội là:**

1. Đoàn kết thống nhất quân ội với nhân dân
2. Gắn bó Hồng quân với nhân dân lao ộng
3. Nhất trí quân dân với lực lượng tiến bộ thế giới
4. Đoàn kết nhất trí nhân dân với quân ội

**Câu 4. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chức năng của QĐND Việt Nam là:**

1. Đội quân chiến ấu, ội quân công tác, ội quân lao ộng sản xuất
2. Đội quân công tác, ội quân chiến ấu và ội quân xây dựng
3. Đội quân chiến ấu, ội quân sản xuất, ội quân tuyên truyền
4. Đội quân xây dựng, ội quân công tác, ội quân an ninh trật tự

**Câu 5. Quan iểm của chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng ịnh chiến tranh xuất hiện từ khi:**

1. Xuất hiện chế ộ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất
2. Xuất hiện và tồn tại mâu thuẫn giữa các tập oàn người
3. Loài người xuất hiện mâu thuẫn trong quá trình sản xuất
4. Thế giới xuất hiện các tôn giáo và mâu thuẫn trong xã hội

**Câu 6. Bản chất giai cấp của quân ội theo quan iểm chủ nghĩa Mác-Lênin là bản chất của:**

1. Giai cấp, nhà nước ã tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân ội ó
2. Giai cấp, nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng và huấn luyện quân ội ó
3. Nhân dân lao ộng và giai cấp ang lãnh ạo ối với quân ội ó
4. Nhà nước, ảng phái ã sinh ra, nuôi dưỡng và sử dụng quân ội ó

**Câu 7. Nguồn gốc sâu xa nảy sinh chiến tranh theo quan iểm chủ nghĩa Mác-Lênin là:**

1. Nguồn gốc kinh tế
2. Nguồn gốc xã hội
3. Nguồn gốc giai cấp
4. Nguồn gốc chính trị

**Câu 8. Theo quan iểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ Tổ quốc XHCN:**

1. Một tất yếu khách quan
2. Nhiệm vụ thường xuyên
3. Cấp thiết trước mắt
4. Nhiệm vụ khách quan

**Câu 9. Nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân ội kiểu mới của Lênin:**

1. Đảng cộng sản lãnh ạo Hồng quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân
2. Giữ vững quan iểm giai cấp công nhân trong xây dựng quân ội Xô viết
3. Tính kỷ luật cao là yếu tố quyết ịnh sức mạnh chiến ấu của Hồng quân
4. Quân ội chính quy, hiện ại, phải luôn trung thành với giai cấp lãnh ạo

**Câu 10. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN là sự vận dụng sáng tạo Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc XHCN của V.I. Lênin vào:**

1. Tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam
2. Điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam
3. Hoàn cảnh thực tế của cách mạng Việt Nam
4. Tình hình cụ thể của cách mạng Việt Nam

**Câu 11. Chế ộ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp ối kháng là:**

1. Nguồn gốc ra ời của quân ội
2. Cơ sở sinh ra lực lượng vũ trang
3. Nguổn gốc ra ời của chế ộ xã hội
4. Cơ sở hình thành nên sự thống trị

**Câu 12. Căn cứ vào nguồn gốc nảy sinh chiến tranh của chủ nghĩa Mác-Lênin thì chiến tranh xuất hiện vào:**

A. Thời kỳ chiếm hữu nô lệ B. Thời kỳ tư bản chủ nghĩa

1. Thời kỳ phong kiến
2. Thời kỳ chủ nghĩa ế quốc

**Câu 13. Nhân tố quyết ịnh bản chất giai cấp của Quân ội nhân dân Việt Nam là:**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Đường lối cách mạng Việt Nam
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh
4. Chế ộ XHCN

**Câu 14. Vai trò lãnh ạo sự nghiệp bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN thuộc về:**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Quần chúng nhân dân lao ộng C. Các oàn thể, tổ chức chính trị

D. Hệ thống chính trị trong xã hội

**Câu 15. Tư tưởng Hồ Chí Minh xác ịnh bảo vệ Tổ quốc XHCN là:** A. Nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân

1. Nghĩa vụ và vinh dự cao quý của công dân
2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi công dân
3. Trách nhiệm và quyền lợi của mọi công dân

**Câu 16. Chủ tịch Hồ Chí Minh ã chỉ rõ: Quân ội ta có sức mạnh vô ịch vì nó là:**

1. Một quân ội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh ạo và giáo dục
2. Quân ội chính quy, cách mạng do Đảng lãnh ạo, giáo dục và chỉ huy
3. Một ội quân chiến ấu kiên cường do Nhà nước quản lý, chỉ huy và giáo dục
4. Quân ội nhân dân anh hùng kế thừa truyền thống bất khuất chống ngoại xâm

**Câu 17. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho Quân ội nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm ến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi ó là:**

1. Cơ sở, nền tảng ể xây dựng quân ội vững mạnh toàn diện
2. Điều kiện cần thiết ể xây dựng quân ội nhân dân cách mạng
3. Cơ sở, nền tảng hình thành nên quân ội nhân dân anh hùng
4. Yếu tố cần thiết ể xây dựng quân ội vững mạnh mọi mặt

**Câu 18. Chức năng cơ bản, thường xuyên của Quân ội ta là:**

1. Đội quân chiến ấu
2. Đội quân lao ộng
3. Đội quân công tác
4. Đội quân huấn luyện

**Câu 19. Khi nói về bản chất của chủ nghĩa ế quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh ã khái quát bằng hình ảnh:**

1. Con ỉa hai vòi
2. Con rắn hút máu
3. Con ỉa hút máu D. Con rắn hai ầu

**Câu 20. Câu nói “Đi dân nhớ, ở dân thương”, ược úc kết từ thực tiễn của Quân ội ta trong thực hiện chức năng:**

1. Đội quân công tác
2. Đội quân lao ộng
3. Đội quân dân vận
4. Đội quân tuyên truyền

**Câu 21. Câu nói của Lênin *“giành chính quyền ã khó, nhưng giữ ược chính quyền còn khó khăn hơn”* thể hiện quan iểm về:**

1. Bảo vệ Tổ quốc XHCN
2. Xây dựng Tổ quốc XHCN
3. Giữ gìn Tổ quốc XHCN
4. Củng cố chính quyền Xô-viết

**Câu 22. Chiến tranh là kết quả của những mối quan hệ giữa những tập oàn người có lợi ích cơ bản ối lập nhau, ược thể hiện dưới một hình thức ặc biệt, sử dụng một công cụ ặc biệt, ó là:**

A. Bạo lực vũ trang

1. Lực lượng vũ trang
2. Bạo lực tổng hợp
3. Lực lượng quân sự

**Câu 23. Nguồn gốc trực tiếp nảy sinh chiến tranh theo quan iểm chủ nghĩa Mác-Lênin là:** A. Nguồn gốc xã hội

1. Nguồn gốc giai cấp
2. Nguồn gốc mâu thuẫn
3. Nguồn gốc chính trị

**Câu 24. Chủ tịch Hồ Chí Minh ã chỉ rõ tính chất xã hội của chiến tranh là:**

1. Chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa
2. Chiến tranh i ngược lại lịch sử phát triển của loài người
3. Chiến tranh cách mạng và chiến tranh phản cách mạng
4. Chiến tranh là hiện tượng lịch sử của xả hội loài người **Câu 25. Thái ộ của chúng ta ối với chiến tranh là:**
5. Ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản ối chiến tranh phi nghĩa
6. Phản ối chiến tranh quân sự, ủng hộ chiến tranh giải phóng
7. Ủng hộ chiến tranh chống áp bức, phản ối chiến tranh xâm lược
8. Phản ối chiến tranh phản cách mạng, ủng hộ chiến tranh cách mạng

**Câu 26. Tư tưởng Hồ Chí Minh xác ịnh mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là:**

1. Độc lập dân tộc và CNXH
2. Độc lập tự do, thống nhất ất nước
3. Chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc
4. Tự do ộc lập và CNXH

**Câu 27. Một trong những nhiệm vụ của Quân ội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng ịnh:**

1. Thiết thực tham gia lao ộng sản xuất góp phần xây dựng CNXH
2. Tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước cho nhân dân
3. Giúp ỡ nhân dân sản xuất, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc
4. Làm nòng cốt phát triển kinh tế-xã hội cho ịa phương nơi óng quân

**Câu 28. Hồ Chí Minh khẳng ịnh mục ích cuộc chiến tranh của dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là:**

1. Bảo vệ ộc lập, chủ quyền và thống nhất ất nước
2. Bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế ộ, bảo vệ tổ quốc
3. Bảo vệ ất nước và chống ách ô hộ của thực dân, ế quốc
4. Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, bảo vệ ộc lập

**Câu 29. Quân ội ta mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân ồng thời có:**

1. Tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc
2. Tính quần chúng nhân dân sâu sắc
3. Tính văn hóa dân tộc phong phú
4. Tính truyền thống dân tộc phổ biến

**Câu 30. Quan hệ của chiến tranh ối với chính trị:**

1. Chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị
2. Chiến tranh là một phương tiện không lệ thuộc chính trị
3. Chiến tranh là một bộ phận nằm ngoài chính trị
4. Chiến tranh chi phối quá trình hoạt ộng của chính trị

**Câu 31. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc XHCN theo tư tưởng Hồ Chí Minh là:**

1. Sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời ại
2. Sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân, sức mạnh an ninh nhân dân
3. Sức mạnh của toàn dân, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt
4. Sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước và sức mạnh quốc phòng toàn dân

**Câu 32. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh nhất thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng ể:**

1. Giành chính quyền và giữ chính quyền
2. Xóa bỏ chế ộ cũ, xây dựng chế ộ mới
3. Trấn áp bọn phản ộng, xây dựng chế ộ mới
4. Lật ổ chế ộ cũ, thành lập chế ộ mới

**Câu 33. Bản chất của chiến tranh theo quan iểm của chủ nghĩa Mác-Lênin là:**

1. Sự tiếp tục của chính trị bằng biện pháp bạo lực
2. Kế tục mục tiêu chính trị bằng nhiều thủ oạn
3. Thủ oạn ể ạt ược mục tiêu chính trị
4. Biện pháp bạo lực gắn liền với thủ oạn chính trị

**Câu 34. Một trong những nguyên tắc cơ bản xây dựng Quân ội kiểu mới của Lênin là:**

1. Xây dựng quân ội chính quy
2. Xây dựng quân ội kỷ luật
3. Xây dựng quân ội vững vàng
4. Xây dựng quân ội chất lượng

**Câu 35. Chủ nghĩa Mác-Lênin ã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra ời của quân ội, vì vậy quân ội chỉ mất i khi:**

1. Giai cấp, nhà nước và những iều kiện sinh ra nó tiêu vong
2. Không còn ối kháng, không còn chiến tranh và nghèo ói
3. Không còn nghèo ói, lạc hậu, áp bức, bóc lột bị tiêu vong
4. Xã hội hoàn toàn dân chủ, không còn nhà nước thống trị

**Câu 36. Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân ội và bảo vệ Tổ quốc XHCN:**

A. Mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc B. Là con ường giải phóng nhân dân thế giới

1. Mang tính cách mạng sâu sắc, triệt ể
2. Là cơ sở ể tiến hành chiến tranh giải phóng

**Câu 37. Để có sức mạnh bảo vệ Tổ quốc XHCN, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng:**

1. Xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân hùng hậu
3. Xây dựng trận ịa quốc phòng toàn dân, an ninh toàn dân vững chắc
4. Phát triển kinh tế với xây dựng và củng cố căn cứ ịa vững chắc

**Câu 38. Cơ sở ể quân ội trung thành với nhà nước, giai cấp tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng nó là:**

1. Bản chất giai cấp của nhà nước
2. Đường lối quan iểm chính trị
3. Đường lối, quan iểm quân sự
4. Bản chất chế ộ kinh tế-xã hội

**Câu 39. Quân ội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của:**

1. Giai cấp công nhân và quần chúng lao ộng Việt Nam
2. Nhà nước nhân dân và giai cấp nông dân Việt Nam
3. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân Việt Nam
4. Nhà nước vô sản và nhân dân lao ộng Việt Nam

**Câu 40. “*Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là ộc lập dân tộc và CNXH, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân”* là một trong những nội dung của:**

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
2. Nối tiếp truyền thống anh hùng bất khuất chống giặc ngoại xâm của dân tộc
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và CNXH ở Việt Nam
4. Truyền thống dân tộc trong ấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng ất nước

**Câu 41. *“Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thưởng, gậy gộc…”* ó là lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến:** A. Chống thực dân Pháp xâm lược

1. Chống quân Tưởng xâm lược
2. Chống ế quốc Mỹ xâm lược
3. Chống quân Pôn Pốt xâm lược

**Câu 42. *“Chiến tranh là một hiện tượng chính trị-xã hội*” là một trong những nội dung của:**

1. Quan iểm chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh
2. Lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh
3. Quan iểm chủ nghĩa Mác-Lênin về quân sự D. Tư tưởng Ăng ghen về chiến tranh, quân ội

**Câu 43. Lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh *“Các vua Hùng ã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”* ã thể hiện rõ:**

1. Tính tất yếu khách quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam
2. Tính khách quan, khoa học của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam
3. Tính tất yếu không thể thay ổi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam
4. Tính khách quan, chủ quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

**Câu 44. Trong thời ại ngày nay, chiến tranh có những thay ổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị nhưng chiến tranh vẫn là:**

1. Sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất ịnh
2. Thực hiện âm mưu thôn tính các nước khác của các nước lớn
3. Sự tiếp tục mục tiêu ối ngoại của nhà nước và giai cấp nhất ịnh
4. Tiếp tục thực hiện ý ồ xâm lược của giai cấp thống trị nhất ịnh

**Câu 45. Yếu tố quan trong nhất ể tạo nên sức mạnh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN:**

1. Đại oàn kết toàn dân tộc
2. Cả nước cùng chung sức
3. Tất cả các dân tộc oàn kết
4. Cả nước cùng ồng lòng

**Câu 46. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ã nói: chiến tranh có thể kéo dài:**

A. 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa B. 10 năm, 15 năm, 25 năm hoặc lâu hơn nữa

1. 5 năm, 10 năm, 15 năm hoặc lâu hơn nữa
2. 10 năm 20 năm, 30 năm hoặc lâu hơn nữa

**Câu 47. Trong kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ã khẳng ịnh: Ta chỉ giữ gìn non sông, ất nước ta, chỉ chiến ấu cho quyền thống nhất và ộc lập của Tổ quốc, còn thực dân Pháp thì:**

1. Mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ
2. Xâm lược nước ta, bóc lột, thống trị nhân dân ta
3. Mong thôn tính nước ta, mong bắt ta làm nô lệ
4. Thôn tính nước ta ể bóc lột, vơ vét tài nguyên

**Câu 48. Trong chế ộ cộng sản nguyên thủy, ã xuất hiện những cuộc xung ột vũ trang nhưng không phải là những cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng:** A. Lao ộng thời cổ

B. Xung ột lao ộng C. Lao ộng nhất thời D. Xung ột sản xuất

**Câu 49. Chức năng cơ bản của quân ội ế quốc là phương tiện quân sự chủ yếu ể ạt mục ích chính trị:**

1. Tiến hành chiến tranh xâm lược và duy trì quyền thống trị
2. Thực hiện chiến tranh xâm lược và thống trị các nước khác
3. Phát ộng chiến tranh xâm lược các nước, thống trị thế giới
4. Tiến hành xâm lược, thôn tính các nước, làm bá chủ toàn cầu

**Câu 50. Theo quan iểm chủ nghĩa Mác-Lênin, quân ội vẫn còn tồn tại chừng nào vẫn còn:**

1. Chế ộ tư hữu, chế ộ áp bức bóc lột
2. Mâu thuẫn lợi ích của mọi người
3. Chế ộ thống trị của giai cấp bóc lột
4. Tồn tại những bất công, nghèo ói

**Câu 51. Bản chất giai cấp của quân ội theo quan iểm chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở ể quân ội:**

1. Trung thành với nhà nước, giai cấp ã tổ chức ra nó
2. Trở thành công cụ của giai cấp, nhà nước sinh ra nó
3. Trung thành với giai cấp ã chăm lo nuôi dưỡng nó
4. Chiến ấu vì mục ích của giai cấp nuôi dưỡng nó

**Câu 52. Để thực hiện nguyên tắc lãnh ạo tuyệt ối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng ối với Quân ội nhân dân Việt Nam, Đảng phải hướng dẫn, giám sát các ơn vị thực hiện:**

1. Công tác Đảng, công tác chính trị
2. Giáo dục chính trị, tư tưởng, văn hóa
3. Công tác Đảng, công tác tư tưởng
4. Giáo dục tư tưởng, ạo ức, lối sống

**Câu 53. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh ạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN là Đảng Cộng sản Việt Nam:**

1. Lãnh ạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
2. Chỉ huy sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
3. Kêu gọi mọi tầng lớp nhận dân ứng lên bảo vệ Tổ quốc
4. Chỉ ạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

**Câu 54. Theo quan iểm chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ Tổ quốc XHCN là phải tăng cường:**

1. Tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế xã hội
2. Xây dựng quân ội gắn với phát triển kinh tế xã hội
3. Thế trận quốc phòng gắn với các chính sách xã hội
4. Xây dựng quân ội gắn với hợp tác kinh tế quốc tế

**Câu 55. Quan iểm của chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng ịnh một trong những nguồn gốc xuất hiện và tồn tại của chiến tranh là sự xuất hiện và tồn tại:**

1. Của giai cấp và ối kháng giai cấp
2. Của các tôn giáo và tín ngưỡng
3. Mâu thuẫn của các tập oàn người
4. Mâu thuẫn giữa các dân tộc

**Câu 56. Một trong những quan iểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN là:**

1. Đảng cộng sản lãnh ạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN
2. Nhân dân lãnh ạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN
3. Lực lượng vũ trang lãnh ạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN
4. Nhà nước lãnh ạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN **Câu 57. Quan hệ của chính trị ối với chiến tranh:**

A. Chính trị chi phối và quyết ịnh toàn bộ tiến trình và kết cục của chiến tranh B. Chính trị chi phối toàn bộ quá trình và quyết ịnh một thời oạn của chiến tranh

1. Chính trị là một bộ phận quyết ịnh mục tiêu của toàn bộ cuộc chiến tranh
2. Chính trị chi phối toàn bộ nhưng không làm gián oạn quá trình chiến tranh **Câu 58. Hồ Chí Minh khẳng ịnh sự ra ời của QĐND Việt Nam là một:**
3. Tất yếu có tính quy luật trong ấu tranh giai cấp, ấu tranh dân tộc ở Việt Nam
4. Hiện tượng ngẫu nhiên trong quá trình cách mạng, giải phóng dân tộc Việt Nam
5. Sự kiện trong lịch sử chống giặc ngoại xâm dựng nước và giữ nước ở Việt Nam
6. Hiện tượng tự phát do òi hỏi cấp thiết của chiến tranh cách mạng ở Việt Nam

**Câu 59. Nội dung thể hiện Tư tưởng Hồ Chí Minh về kháng chiến phải dựa vào sức mình là chính:**

1. Phải em sức ta mà giải phóng cho ta, ồng thời phải hết sức tranh thủ sự ồng tình giúp ỡ của quốc tế
2. Ta phải tự ứng lên kháng chiến với tất cả khả năng của dân tộc ể mưu cầu tự do, hạnh phúc cho nhân dân
3. Kháng chiến là ể giải phóng cho ta nên chúng ta phải tự làm lấy dưới sự lãnh ạo của Đảng cộng sản Việt Nam
4. Cả nước ồng lòng, ứng lên ể giành ộc lập dân tộc, giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức, bóc lột

**Câu 60. Chiến tranh có thể làm thay ổi ường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể, thậm chí có thể còn thay ổi cả thành phần lực lượng lãnh ạo chính trị trong các bên tham chiến, bởi vì:**

1. Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị
2. Chiến tranh quyết ịnh chính trị, tác ộng mạnh mẽ làm thay ổi những vấn ề lớn của chính trị C. Chiến tranh chi phối ến sự phát triển của chính trị, tác ộng mạnh mẽ làm chính trị biến ổi

D. Chiến tranh là cơ sở ể chính trị luôn luôn tồn tại, thực hiện mục ích của mình và phát triển **Câu 61. Lời kêu gọi *“Bất kỳ àn ông, àn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, ảng phái, dân tộc …hễ là người Việt Nam thì phải ứng lên ánh thực dân Pháp ể cứu Tổ quốc …”* của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện rõ tư tưởng:**

A. Chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân B. Chiến tranh chống thực dân Pháp là chiến tranh chính nghĩa cách mạng

1. Chiến tranh tự vệ chính nghĩa chống xâm lược, giải phóng dân tộc
2. Đoàn kết toàn thể ồng bào trong nước ể tiến hành chiến tranh

**Câu 62. *“Quân ội tham gia vận ộng quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị-xã hội vững mạnh; giúp nhân dân phòng chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và ời sống; tuyên truyền vận ộng nhân dân hiểu rõ và chấp hành úng ường lối, quan iểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước”* là thực hiện chức năng của:**

1. Đội quân công tác
2. Đội quân dân vận
3. Đội quân tuyên truyền D. Đội quân vận ộng

**Câu 63. Quân ội nhân dân Việt Nam ra ời và trưởng thành luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng và:** A. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

1. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
2. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện ại hóa
3. Chủ quyền biên giới, biển ảo quốc gia

**Câu 64. Để có ược bản chất giai cấp công nhân, trải qua những năm tháng phục vụ trong quân ội cán bộ chiến sĩ không ngừng ược rèn luyện, tu dưỡng, nâng cao giác ngộ cách mạng nên ã chuyển từ:**

1. Lập trường giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp công nhân
2. Tinh thần yêu nước, yêu quê hương sang giác ngộ giai cấp công nhân
3. Giác ngộ cách mạng lên giác ngộ ý thức vô sản của giai cấp công nhân
4. Lập trường giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp cách mạng

**Câu 65. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân ội, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm ến:**

1. Giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị
2. Chăm lo giáo dục tinh thần dân tộc, truyền thống vẻ vang của ất nước
3. Giáo dục ý thức trách nhiệm, bản lĩnh chiến ấu kiên cường, bât khuất
4. Chăm lo nâng cao ời sống vật chất, tinh thần, giáo dục ý chí chiến ấu

**Câu 66. Tư tưởng xuyên suốt trong cuộc ời hoạt ộng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:**

1. Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc
2. Giành ộc lập dân tộc và phải giữ vững nền ộc lập dân tộc ấy
3. Ý chí ộc lập dân tộc và quyền ược hưởng tự do ộc lập
4. Giành ộc lập tự do, dân chủ, bình ẳng và bảo vệ dân tộc

**Câu 67. Đối với Quân ội nhân dân Việt Nam, hình ảnh “Bộ ội Cụ Hồ” là một mẫu hình mới của:**

1. Con người mới XHCN trong quân ội kiểu mới
2. Ngưởi công dân anh dũng trong dân tộc anh hùng
3. Chiến sỹ XHCN trong quân ội nhân dân kiểu mới
4. Công dân XHCN trong quân ội nhân dân

# BÀI 3 (70 Câu)

**Câu 1. Về vị trí của nền QPTD, ANND, Đảng ta khẳng ịnh: luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh coi ó là:**

1. Nhiệm vụ chiến lược
2. Nhiệm vụ quan trọng
3. Nhiệm vụ hàng ầu
4. Nhiệm vụ trọng tâm

**Câu 2. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là:**

1. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN
2. Xây dựng phát triển kinh tế và bảo vệ vững chắc dộc lập dân tộc
3. Bảo vệ tổ quốc XHCN và xây dựng CNXH
4. Bảo vệ ộc lập dân tộc và xây dựng thành công CNXH

**Câu 3. Một trong những ặc trưng của nền QPTD, ANND là nền quốc phòng, an ninh:**

1. Vì dân, của dân và do nhân dân tiến hành
2. Bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân
3. Mang tính giai cấp, nhân dân sâu sắc
4. Do nhân dân xây dựng, mang tính nhân dân sâu sắc **Câu 4. Sức mạnh của nền QPTD, ANND ở nước ta là:**
5. Sức mạnh của toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời ại
6. Sức mạnh do các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học
7. Sức mạnh tổng hợp do nhiều lực lượng tạo thành
8. Sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong nước

**Câu 5. Một trong những nội dung xây dựng thế trận QPTD, ANND là:**

1. Tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo ịa hình với xây dựng hạ tầng
2. Tổ chức phòng thủ quân sự, kết hợp với chủ ộng tiến công tiêu diệt ịch
3. Tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp với hệ thống iểm tựa vững chắc
4. Tổ chức phòng thủ quân sự, kết hợp với các biện pháp chống ịch tiến công **Câu 6. Quá trình hiện ại hóa nền QPTD, ANND phải gắn liền với:**
5. Công nghiệp hóa, hiện ại hóa ất nước
6. Tiềm lực khoa học công nghệ của nước ta
7. Hiện ại hóa nền kinh tế nước nhà
8. Hiện ại hóa quân sự, an ninh ất nước

**Câu 7. Mục ích xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh là ể:**

1. Tạo thế chủ ộng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
2. Tạo ra cơ sở vật chất, nâng cao ời sống cho lực lượng vũ trang
3. Tạo ra tiềm lực quân sự ể phòng thủ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc
4. Tạo ược môi trường hòa bình ể phát triển kinh tế ất nước **Câu 8. Để xây dựng nền QPTD, ANND hiện nay, chúng ta phải:**
5. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh
6. Thường xuyên giáo dục ý thức trách nhiệm của mọi người
7. Tăng cường vai trò của các tổ chức quần chúng
8. Phát huy vai trò cùa các cơ quan oàn thể và của công dân **Câu 9. Một trong những nội dung xây dựng QPTD, ANND là:**
9. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh
10. Xây dựng nền dân chủ XHCN
11. Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị
12. Xây dựng khối ại oàn kết toàn dân tộc

**Câu 10. Nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh là:**

1. Tiềm lực chính trị tinh thần
2. Đại oàn kết toàn dân tộc
3. Vai trò lãnh ạo của Đảng
4. Tiềm lực kinh tế

**Câu 11. Tiềm lực quốc phòng, an ninh ược thể hiện:**

1. Trên tất cả mọi lĩnh vực của ời sống xã hội
2. Trên tất cả mọi hoạt ộng của các ịa phương
3. Trong tất cả mọi hoạt ộng quốc phòng, an ninh
4. Trong quá trình củng cố quốc phòng và an ninh

**Câu 12. Việc tạo ra sức mạnh quốc phòng, an ninh không chỉ ở sức mạnh quân sự, an ninh mà phải huy ộng ược:**

1. Sức mạnh của toàn dân về mọi mặt
2. Sức mạnh vật chất của toàn xã hội
3. Sức mạnh tinh thần của mọi người
4. Sức mạnh của các cấp, các nghành

**Câu 13. Sức mạnh của nền QPTD, ANND ở nước ta là sức mạnh tổng hợp ược tạo thành bời:**

1. Rất nhiều yếu tố của dân tộc và của thời ại
2. Tinh thần ộc lập, tự chủ, tự lực, tự cường
3. Giữ vững ược hòa bình, ổn ịnh ất nước
4. Rất nhiều yếu tố thực tiễn lịch sử, hiện tại

**Câu 14. *“Chính trị tinh thần”* là yếu tố quyết ịnh thắng lợi:**

1. Trên chiến trường
2. Trong chiến tranh
3. Trong cuộc chiến
4. Trên mọi mặt trận

**Câu 15. Nền QPTD, ANND của nước ta, thực chất là:**

1. Sức mạnh quốc phòng, an ninh của ất nước
2. Khả năng quốc phòng, an ninh của ất nước
3. Tiềm lực quốc phòng, an ninh của ất nước
4. Nền tảng quốc phòng, an ninh của ất nước

**Câu 16. Để xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh chúng ta phải kết hợp xây dựng về mọi mặt, trong ó phải kết hợp chặt chẽ:**

1. Phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh
2. Phát triển lực lượng vũ trang nhân dân với phát triển kinh tế xã hội
3. Phát triển kinh tế, xã hội với an ninh tư tưởng, văn hóa và ối ngoại
4. Phát triển các quân binh chủng hài hòa với kinh tế, văn hóa, xã hội **Câu 17. Nhiệm vụ cơ bản xây dựng nền QPTD, ANND là:**
5. Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh áp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc
6. Chuẩn bị cho Tổ quốc ối phó thành công với các tình huống, lực lượng xâm hại
7. Gắn kết chặt chẽ các thành phần kinh tế với các thành phần quốc phòng, an ninh
8. Xây dựng lực lượng quân sự, an ninh vững mạnh chuẩn bị cho chiến tranh **Câu 18. Cơ chế lãnh ạo, chỉ huy xây dựng nền QPTD, ANND là:**
9. Đảng lãnh ạo, Nhà nước quản lý iều hành, quân ội, công an làm tham mưu
10. Đảng chỉ ạo, Nhà nước quản lý iều hành, quốc phòng, an ninh ề xuất
11. Đảng lãnh ạo, nhân dân làm chủ, Bộ Quốc phòng chỉ huy, iều hành
12. Nhà nước chỉ ạo, Đảng lãnh ạo, quân ội, công an làm tham mưu **Câu 19. Cơ sở ể xây dựng thế trận QPTD là:**
13. Đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng
14. Truyền thống ánh giặc của ông cha ta
15. Sự xuất hiện của chiến tranh kiểu mới
16. Thay ổi của cục diện trên thế giới

**Câu 20. Nền QPTD, ANND ở nước ta ược xây dựng trên nền tảng tư tưởng:**

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh
2. Tư tưởng quân sự Việt Nam, chủ nghĩa Mác-Lênin
3. Chủ nghĩa Mác-Lênin, truyền thống chống ngoại xâm D. Tư tưởng Hồ Chí Minh, thực tiễn quốc phòng thế giới

**Câu 21. *“Nền QPTD, ANND ược xây dựng toàn diện và từng bước hiện ại”* là một trong những nội dung của:**

1. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Đặc iểm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
4. Mục ích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

**Câu 22. Lực lượng quốc phòng, an ninh của nền QPTD, ANND gồm có:**

1. Lực lượng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân
2. Lực lượng quân ội nhân dân và công an nhân dân
3. Lực lượng toàn dân và lực lượng dự bị ộng viên
4. Lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, công an

**Câu 23. Một trong những ặc trưng của nền QPTD, ANND là:**

1. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân
2. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với, sự oàn kết của toàn dân
3. Nền quốc phòng, an ninh kết hợp truyền thống với hiện ại
4. Nền quốc phòng, an ninh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời ại

**Câu 24. Tiềm lực chính trị tinh thần trong nội dung xây dựng nền QPTD, ANND là khả năng về chính trị tinh thần:**

1. Có thể huy ộng ược ể thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
2. Của xã hội ể tự vệ chống lại mọi thủ oạn kẻ thù xâm lược
3. Của quân ội ể thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
4. Có thể huy ộng ược trong nhân dân ể chiến ấu, bảo vệ Tổ quốc **Câu 25. Một trong những nội dung xây dựng thế trận QPTD, ANND là:**
5. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)
6. Phát triển lực lượng gắn với các vùng dân cư
7. Xây dựng công trình quốc phòng, an ninh vững chắc
8. Phát triển vùng dân cư gắn với các trận ịa phòng thủ

**Câu 26.*“Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền QPTD, ANND”* là một trong những nội dung của:**

1. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh
3. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
4. Phương pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

**Câu 27. “*Nền QPTD, ANND chỉ có mục ích duy nhất là tự vệ chính áng”* là nội dung của:**

1. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3. Vị trí nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
4. Đặc iểm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân **Câu 28. Tiềm lực quốc phòng, an ninh là:**
5. Khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy ộng ể thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
6. Khả năng về con người, của cải vật chất có thể huy ộng ể thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
7. Khả năng về lực lượng, vũ khí trang bị có thể huy ộng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
8. Khả năng về tài chính, phương tiện kỹ thuật có thể huy ộng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

**Câu 29. *“Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ i ôi với xây dựng ất nước”* là một nội dung của:**

1. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Biện pháp xây dưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3. Nhiệm vụ xây dưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
4. Xây dựng tiềm lực kinh tế của quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

**Câu 30. Trong xây dựng tiềm lực quốc phòng an ninh, tiềm lực chính trị tinh thần là:**

1. Nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh
2. Nhân tố chủ yếu tạo nên sức mạnh quốc phòng, an ninh C. Yếu tố hàng ầu tạo nên sức mạnh quốc phòng, an ninh

D. Yếu tố quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc

**Câu 31. Xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ của nền QPTD, ANND là:**

1. Tạo nên khả năng về khoa học công nghệ của quốc gia ể khai thác phục vụ quốc phòng, an ninh
2. Tạo nên khả năng về vũ khí trang bị kỹ thuật ể phòng thủ ất nước
3. Tạo nên khả năng huy ộng ội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ quốc phòng, an ninh
4. Tạo ra khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào quốc phòng, an ninh **Câu 32. *“Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của ất nước ược xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, ộc lập, tự chủ, tự cường”* là nội dung của:**
5. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân
6. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân
7. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân
8. Quan iểm xây dưng nền quốc phòng toàn dân

**Câu 33. Tiềm lực kinh tế trong nội dung xây dựng tiềm lực QPTD, ANND là iều kiện:**

1. Tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Vật chất bảo ảm cho xây dựng lực lượng vũ trang và thế trận quốc phòng
3. Để phát triển nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện ại
4. Tạo nên thế trận chiến tranh toàn dân và trận ịa an ninh nhân dân

**Câu 34. *“Tăng cường sự lãnh ạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của cơ quan, tổ chức và nhân dân ối với xây dựng nền QPTD, ANND”* là một nội dung của:**

1. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3. Yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
4. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

**Câu 35. Trong xây dưng tiềm lực quốc phòng, an ninh, tiềm lực tạo sức mạnh vật chất cho nền QPTD, ANND, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác, ó là:**

1. Tiềm lực kinh tế
2. Tiềm lực khoa học
3. Tiềm lực chính trị D. Tiềm lực quân sự

**Câu 36. *“Năng lực lãnh ạo của Đảng, quản lý iều hành của Nhà nước; ý chí quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng áp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc”* là biểu hiện của:**

1. Tiềm lực chính trị, tinh thần
2. Ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc
3. Sự vững mạnh về quốc phòng, an ninh
4. Tiềm lực quân sự, an ninh

**Câu 37. Một trong những nội dung xây dựng thế trận QPTD, ANND là phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với:**

1. Vùng kinh tế, dân cư
2. Bảo toàn lực lượng
3. Quy hoạch dân cư
4. Phương án phòng thủ

**Câu 38. *“ Tạo sức mạnh tổng hợp của ất nước cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ ể giữ vững hòa bình, ổn ịnh, ẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng ánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô”* là nội dung của:**

1. Mục ích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3. Vị trí của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
4. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

**Câu 39. Sức mạnh tổng hợp của nền QPTD, ANND là cơ sở, là tiền ề và là biện pháp ể nhân dân ta:** A. Đánh thắng kẻ thù xâm lược

1. Giữ vững ộc lập dân tộc
2. Thống nhất ất nước
3. Xây dựng CNXH

**Câu 40. Để bảo ảm thế trận QPTD, ANND vững chắc, cần phải có sự gắn kết chặt chẽ:** A. Kinh tế-xã hội với QPAN

1. Quan hệ ối ngoại với quốc phòng, an ninh
2. Kinh tế với, an ninh và trật tự, an toàn xã hội
3. Kinh tế, chính trị với quan hệ ối ngoại

**Câu 41. Nhiệm vụ cơ bản trong xây dựng QPTD, ANND:**

1. Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh áp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam

XHCN

1. Chuẩn bị lực lượng quốc phòng, an ninh chu áo ể bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN
2. Xây dựng sức mạnh toàn diện, gắn kết chặt chẽ các thành phần kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng,

an ninh

1. Xây dựng các lực lượng quốc phòng, an ninh vững mạnh, chuẩn bị cho chiến tranh nhân dân **Câu 42. Xây dựng nền QPTD, ANND là xây dựng:**
2. Lực lượng, tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3. Cơ sở vật chất và công trình phòng thủ của quốc phòng, anh ninh
4. Nhân lực, vật lực và tài chính ể bảo ảm quốc phòng, an ninh toàn dân
5. Lực lượng vũ trang và tổ chức phòng thủ của nền quốc phòng toàn dân

**Câu 43. *“Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối ại oàn kết toàn dân tộc*” là nội dung của:**

1. Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần
2. Xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần
3. Xây dựng sức mạnh chính trị, tinh thần
4. Xây dung lực lượng chính trị, tinh thần

**Câu 44. Tiềm lực quân sự, an ninh là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của ất nước, giữ vai trò:**

1. Nòng cốt ể bảo vệ Tổ quốc
2. Quyết ịnh ể bảo vệ Tổ quốc
3. Quan trọng ể bảo vệ Tổ quốc
4. Cần thiết ể bảo vệ Tổ quốc

**Câu 45. Sức mạnh quốc phòng của ất nước ược xây dựng trên nền tảng:**

1. Nhân lực, vật lực, tinh thần
2. Con người, vật chất, tinh thần
3. Nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật
4. Chính trị tinh thần, cơ sở vật chất

**Câu 46. Tập trung ẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện ại hóa ất nước, xây dựng nền kinh tế ộc lập, tự chủ là nội dung cần tập trung trong xây dựng:**

A. Tiềm lực kinh tế B. Sức mạnh kinh tế

1. Công nghiệp quốc phòng
2. Tiềm lực quốc phòng

**Câu 47. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) sẽ tạo nền tảng cho:**

1. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
3. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh
4. Xây dựng khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt

**Câu 48. Nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh cho mọi ối tượng, trong ó giáo dục âm mưu, thủ oạn của ịch nhằm làm cho mọi người, mọi tổ chức:**

1. Biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các thế lực thù ịch
2. Nhận rõ bộ mặt kẻ thù ể lên án chủ nghĩa ế quốc, phản ộng
3. Biết ược bản chất của kẻ thù ể phòng tránh có hiệu quả
4. Nhận diện ối tượng tác chiến ể tự bảo vệ bản thân, tổ chức

**Câu 49. Nhiệm vụ của các tổ chức, doanh nghiệp trong xây dựng nền QPTD, ANND là:**

1. Thực hiện úng các quy ịnh của pháp luật
2. Ủng hộ vật chất, tinh thần cho lực lượng vũ trang
3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh
4. Cử người tham gia vào lực lượng vũ trang

**Câu 50. Xây dựng thế trận QPTD, ANND chúng ta phải gắn kết:**

1. Thế trận kinh tế với thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân với ngoại giao
3. Thế trận quân sự, an ninh, ối ngoại với thế trận phòng thủ dân sự
4. Phòng thủ dân sự với thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân **Câu 51. Xây dựng nền QPTD, ANND ở nước ta ược triển khai thực hiện:**
5. Trong tất cả các lĩnh vực của ời sống xã hội
6. Trên tất cả các ịa phương trong cả nước
7. Trong tất cả các Bộ, ngành, các tổ chức xã hội
8. Trên mọi hoạt ộng của kinh tế, xã hội, ối ngoại

**Câu 52. Giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng QPTD, ANND là:**

1. Lực lượng vũ trang nhân dân
2. Lực lượng quân ội nhân dân
3. Lực lượng dân quân tự vệ
4. Lực lượng an ninh nhân dân

**Câu 53. Xây dựng khối ại oàn kết toàn dân, nâng cao cảnh giác cách mạng, giữ vững ổn ịnh chính trị, trật tự an toàn xã hội là một trong những nội dung:**

1. Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Của tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3. Kêu gọi toàn dân thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
4. Xây dựng ý chí quyết tâm của nhân dân, giữ vững hòa bình, ổn ịnh chính trị, xã hội **Câu 54. Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền QPTD, ANND chúng ta phải thường xuyên:**
5. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường QPAN
6. Phát triển hài hòa kinh tế-xã hội quốc gia với kinh tế - quốc phòng, an ninh C. Kết hợp kinh tế-xã hội của ất nước với phát triển công nghiệp quốc phòng D. Phát triển tiềm lực kinh tế với tiềm lực quân sự, an ninh và các tiềm lực khác

**Câu 55. Trong xây dựng nền QPTD, ANND, nền quốc phòng toàn dân phải gắn chặt với nền an ninh nhân dân, bởi vì:**

A. Quốc phòng, an ninh cùng chung mục ích chống thù trong, giặc ngoài ể BVTQ B. An ninh luôn luôn gắn bó với quốc phòng dưới sự lãnh ạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. QPAN cùng tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng, an ninh toàn dân
2. An ninh luôn i cùng quốc phòng, tạo iều kiện cho quốc phòng nhân dân phát triển mạnh mẽ **Câu 56. Xây dựng nền QPTD, ANND là tạo ra:**
3. Sức mạnh và khả năng bảo vệ Tổ quốc
4. Lực lượng tổng hợp ể bảo vệ Tổ quốc
5. Sức mạnh của ất nước ể ánh bại kẻ thù
6. Lực lượng vũ trang hùng mạnh ể ánh bại kẻ thù

**Câu 57. Tính cơ ộng của nền kinh tế ất nước trong mọi iều kiện hoàn cảnh là nội dung của xây dựng:**

1. Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Sức mạnh kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3. Khả năng kinh tế của ất nước khi tiến hành chiến tranh xảy ra
4. Điều kiện kinh tế của ất nước trong iều kiện chiến tranh

**Câu 58. Trong xây dưng tiềm lực quốc phòng, an ninh, tiềm lực biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của ất nước, giữ vai trò nòng cốt ể bảo vệ Tổ quốc là:**

1. Tiềm lực quân sự, an ninh
2. Tiềm lực chính trị, tinh thần
3. Tiềm lực kinh tế, xã hội
4. Tiềm lực chính trị, quân sự

**Câu 59. Thế trận quốc phòng, an ninh là:**

1. Sự tổ chức, bố trí lực lương, tiềm lực mọi mặt của ất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
2. Sự sắp xếp, bố trí lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất, tài chính trên phạm vi cả nước theo yêu cầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
3. Sự chuẩn bị toàn diện mọi mặt của ất nước từ trung ương ến các ịa phương trên phạm vi cả nước áp ứng yêu cầu phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
4. Sự chuẩn bị ầy ủ nhân lực, vật lực, tài chính, triển khai bố trí lực lượng, tổ chức phòng thủ dân sự theo yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

**Câu 60. *“Số lượng, chất lượng ội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật có thể huy ộng phục vụ cho QPAN và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể áp ứng nhu cầu QPAN”* là nội dung biểu hiện của:**

1. Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
2. Tiềm lực kinh tế, xã hội của nến quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3. Tiềm lực kỹ thuật quân sự của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
4. Tiềm lực khoa học quân sự của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

**Câu 61. *“Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh*” là một biện pháp nhằm:**

1. Tác ộng tích cực và trực tiếp ến nhận thức về nhiệm vụ QP, AN của nhân dân
2. Tác ộng tích cực và trực tiếp ến trình ộ dân trí về bảo vệ ộc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ
3. Tác ộng mạnh mẽ ến ý chí tinh thần của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
4. Tác ộng trực tiếp ến nhận thức, tinh thần và ý chí quyết tâm của lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ

**Câu 62. Một trong những nội dung về tăng cường giáo dục QPAN cho toàn dân là:**

1. Giáo dục tình yêu quê hương, ất nước, chế ộ XHCN
2. Giáo dục về bản chất hiếu chiến, xâm lược của chủ nghĩa ế quốc
3. Giáo dục lòng căm thù giặc, sẵn sàng chiến ấu hy sinh vì Tổ quốc
4. Giáo dục lòng trung thành, ý chí quyết tâm chiến ấu

**Câu 63. Để tạo nền tảng cho thế trận QPTD, ANND chúng ta phải chú trọng xây dựng:**

1. Khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)
2. Khu vực quân sự, an ninh vững chắc
3. Khu vực phòng thủ dân sự và quân sự
4. Khu vực phòng thủ quân sự then chốt

**Câu 64. Xây dựng tiềm lực kinh tế ất nước là iều kiện, là cơ sở ể tạo sức mạnh vật chất cho:** A. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

1. Các lực lượng vũ trang nhân dân
2. Chiến tranh nhân dân trong tương lai
3. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

**Câu 65. Xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh là tạo ra sức mạnh ể:**

1. Ngăn ngừa, ẩy lùi, ánh bại mọi âm mưu, hành ộng xâm hại ến mục tiêu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
2. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện ại hóa ất nước, chống lại mọi kẻ thù xâm lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
3. Gìn giữ hòa bình, hội nhập thế giới thực hiện thắng lợi mọi mục tiêu, nhiệm vụ của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
4. Đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

**Câu 66. Cơ sở, tiền ề và là biện pháp ể chúng ta ánh thắng kẻ thù xâm lược, ó là:** A. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

1. Yếu tố chính trị, tinh thần ể chúng ta ối phó với kẻ thù xâm lược
2. Tiềm lực vật chất, vũ khí trang bị của lực lượng vũ trang nhân dân
3. Sức mạnh của lực lượng vũ trang kết hợp với sức mạnh thời ại **Câu 67. Xây dựng thế trận QPTD, ANND vững chắc phải theo yêu cầu của:**
4. Quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
5. Quân sự, an ninh, chiến tranh toàn dân, toàn diện bảo vệ ất nước
6. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
7. Phát triển quốc phòng, an ninh, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

**Câu 68. Để xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh, chúng ta phải:**

1. Kết hợp sức mạnh của nhiều yếu tố
2. Liên minh quân sự với các nước khác
3. Độc lập tự chủ phát triển kinh tế, xã hội
4. Phát triển kinh tế, giữ vững hòa bình

**Câu 69. Xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh, phải thường xuyên giáo dục QPAN cho:**

1. Mọi ối tượng
2. Cán bộ lãnh ạo
3. Thanh niên, sinh viên
4. Học sinh phổ thông

**Câu 70. Để thường xuyên thực hiện giáo dục giáo dục QPAN có hiệu quả, chúng ta phải:**

1. Vận dụng nhiều hình thức, phương pháp giáo dục, tuyên truyền
2. Tổ chức nhiều lớp học cho các ối tượng, tầng lớp nhân dân
3. Vận dụng a dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền, giáo dục
4. Kết hợp tổ chức giáo dục với tuyên truyền khắp mọi nơi, mọi lúc

# BÀI 4 (28 Câu)

**Câu 1. Đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là:**

1. Chủ nghĩa ế quốc và các thế lực phản ộng
2. Chủ nghĩa ế quốc và bọn tội phạm
3. Chủ nghĩa khủng bố và bọn phản ộng
4. Các thế lực phản cách mạng và phản ộng **Câu 2. Nếu xâm lược nước ta kẻ thù sẽ:**
5. Thực hiện ánh nhanh, thắng nhanh, kết hợp tiến công quân sự từ bên ngoài với BLLĐ từ bên

trong

1. Đánh ồng loạt các mục tiêu, trên từng khu vực và kết hợp với các biện pháp phi vũ trang ể tuyên truyền, lừa bịp dư luận
2. Thực hiện bao vây phong tỏa kinh tế, quân sự, vừa ánh vừa thăm dò phản ứng của ta, kết hợp với lôi kéo ồng minh
3. Đánh hủy diệt ngay từ ầu, ưa lực lượng ối lập lên nắm quyền, kết hợp với ưa lực lượng quân sự vào hỗ trợ chính phủ mới

**Câu 3. Tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, khó khăn cơ bản nhất của ịch là:**

1. Phải ương ầu với một dân tộc có truyền thống kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm
2. Tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược, chiến tranh phi nghĩa sẽ bị toàn thế giới lên án
3. Phải tác chiến trong iều kiện khí hậu, thời tiết phức tạp, không thông thuộc ịa hình
4. Có nhiều khó khăn trong công tác ảm bảo hậu cần kỹ thuật, cơ ộng của các loại cơ giới **Câu 4. Một trong những ặc iểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là:**
5. Hình thái ất nước ược chuẩn bị sẵn sàng, thế trận quốc phòng, an ninh ngày càng ược củng cố vững chắc
6. Cả ất nước ã sẵn sàng, khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố luôn luôn ược củng cố và phát triển vững chắc
7. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ã ược chuẩn bị từ thời bình và thường xuyên ược phát triển
8. Thế trận quốc phòng, an ninh ược xây dựng rộng khắp trên cả nước, từng ịa phương, có trọng tâm, trọng iểm

**Câu 5. Điểm mạnh cơ bản của ịch khi tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta là:**

A. Có ưu thế tuyệt ối về sức mạnh quân sự, kinh tế và khoa học, công nghệ B. Có vũ khí trang bị hiện ại, công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quân sự hiện ại

1. Quân số ông, vũ khí , trang bị kỹ thuật hiện ại, khoa học phát triển
2. Khi tiến công, có sự cấu kết với bọn phản ộng trong nước gây bạo loạn

**Câu 6. Một trong những tính chất của chiến tranh nhân dân BVTQ là cuộc chiến tranh:**

1. Mang tính hiện ại
2. Chống quân xâm lược C. Bảo vệ ộc lập dân tộc

D. Bảo vệ CNXH.

**Câu 7. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc *“là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng, nhằm bảo vệ ộc lập tự do của dân tộc, bảo vệ ộc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của ất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế ộ, bảo vệ nhân dân”* là một trong những:**

1. Tính chất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
2. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
3. Đặc iểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
4. Quan iểm về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

**Câu 8. Muốn tiến hành chiến tranh nhân dân thắng lợi, chúng ta phải:**

1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân
2. Tổ chức lực lượng toàn dân ánh giặc
3. Tổ chức trận ịa ánh giặc ở ịa phương
4. Tổ chức thế và lực khu vực phòng thủ

**Câu 9. Để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc, quan iểm của Đảng ta là phải chuẩn bị mọi mặt:**

1. Trên cả nước cũng như từng khu vực ể ủ sức ánh lâu dài
2. Đầy ủ cả tiềm lực kinh tế, quân sự, lực lượng ể ánh thắng C. Chu áo, toàn diện, rộng khắp ể ủ sức trường kỳ ánh giặc

D. Trên tất cả khu vực phòng thủ ể ủ sức ánh giặc lâu dài

**Câu 10. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là cuộc:**

1. Chiến tranh chính nghĩa
2. Chiến tranh phòng vệ
3. Chiến tranh tự bảo vệ
4. Chiến tranh chính áng

**Câu 11. Lực lượng làm nòng cốt cho toàn dân ánh giặc ở ịa phương là:**

1. Bộ ội ịa phương và dân quân tự vệ
2. Lực lượng bộ ội và công an nhân dân
3. Bộ ội thường trực và dân quân tự vệ
4. Bộ ội chủ lực và dân quân du kích

**Câu 12. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, lực lượng vũ trang nhân dân là lực lượng:**

1. Nòng cốt của nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân
2. Chủ lực tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
3. Nòng cốt cho các lực lượng khác tiến hành chiến tranh
4. Chủ yếu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

**Câu 13. Kiên quyết ấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ oạn “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật ổ của kẻ thù là:**

1. Mục tiêu trước mắt của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
2. Nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của cách mạng Việt Nam
3. Mục ích của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
4. Nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên của cách mạng nước ta

**Câu 14. Lực lượng làm nòng cốt cho toàn dân ánh giặc trên phạm vi cả nước là:**

1. Bộ ội chủ lực cùng lực lượng vũ trang ịa phương
2. Quân ội nhân dân và lực lượng vũ trang ịa phương
3. Bộ ội thường trực cùng công an và dân quân tự vệ D. Bộ ội chủ lực kết hợp với lực lượng ịa phương

**Câu 15. Chiến tranh nhân dân là quá trình sử dụng tiềm lực của ất nước nhằm:**

1. Đánh bại ý ồ xâm lược, lật ổ của kẻ thù
2. Bảo vệ mục tiêu, ánh bại ý ồ bạo loạn lật ổ C. Đánh bại kẻ thù xâm lược, bảo vệ mục tiêu

D. Phòng chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật ổ

**Câu 16. Lực lượng nòng cốt trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là:**

1. Lực lượng vũ trang nhân dân
2. Lực lượng quân ội, công an
3. Lực lượng vũ trang quần chúng
4. Lực lượng quốc phòng toàn dân

**Câu 17. Cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN mang tính chất:**

1. Chính nghĩa, tự vệ cách mạng
2. Khẩn trương, quyết liệt, phức tạp
3. Tự vệ, bảo toàn ộc lập chủ quyền
4. Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cung

**Câu 18. Tiến hành CTND, toàn dân ánh giặc là iều kiện ể phát huy cao nhất:**

1. Sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh
2. Sức mạnh oàn kết của toàn dân tộc
3. Tinh thần yêu nước của toàn thể nhân dân
4. Ý chí kiên cường của quân và dân ta

**Câu 19. Để chuẩn bị mọi mặt cho chiến tranh nhân dân BVTQ, chúng ta phải tập trung:**

1. Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc
2. Xây dựng khu vực phòng thủ then chốt vững mạnh
3. Phát triển lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp
4. Xây dựng lực lượng dự bị ộng viên vững mạnh toàn diện

**Câu 20. Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc là cuộc chiến tranh mang tính chất:**

1. Toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt
2. Toàn diện, lấy quân sự làm trung tâm, lấy chính trị làm cơ sở
3. Toàn dân, lấy quân sự là quyết ịnh, lấy chính trị làm nền tảng
4. Cách mạng, chống các thế lực phản cách mạng, thế lực thù ịch

**Câu 21. Một trong những ặc iểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là:**

1. Chiến tranh diễn ra khẩn trương, quyết liệt phức tạp ngay từ ầu và trong suốt quá trình
2. Chiến tranh diễn ra ác liệt, phải ối phó với vũ khí công nghệ cao của ịch ngay từ ầu
3. Chiến tranh diễn ra phức tap, phải ối ầu với lực lượng quân sự nhiều nước tham gia
4. Chiến tranh diễn ra với quy mô lớn, diễn ra trên phạm vi cả nước rất quyết liệt

**Câu 22. *“Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời ại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp ỡ quốc tế, sự ồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới”* là một trong những nội dung của:**

1. Quan iểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
2. Đặc iểm nổi bật trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
3. Tính chất quan trọng của cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc
4. Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

**Câu 23. Quan iểm của Đảng ta trong chiến tranh nhân dân BVTQ là phải tiến hành:**

1. Chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa ấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
2. Chiến tranh trên cả nước, trên mọi mặt trận, lấy thắng lợi quân sự là là yếu tố quyết ịnh giành thắng lợi
3. Cuộc chiến tranh toàn dân, ánh ịch trên mọi mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao, trên cả ba vùng chiến lược
4. Cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ bằng sức mạnh của cả dân tộc ể bảo vệ ộc lập tự do của dân tộc, bảo vệ ộc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ

**Câu 24. Tính hiện ại trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc ở Việt Nam là hiện ại về:**

1. Vũ khí, trang bị, tri thức và nghệ thuật quân sự
2. Khí tài, phương tiện, cách ánh và thế trận C. Tri thức lực lượng vũ trang và vũ khí, trang bị

D. Vũ khí, trang bị và hệ thống phòng thủ

**Câu 25. Quan iểm thực hiện toàn dân ánh giặc trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc có ý nghĩa là:**

1. Cơ sở ể huy ộng ược lực lượng toàn dân tham gia ánh giặc
2. Điều kiện ể mỗi người dân ược tham gia ánh giặc, giữ nước
3. Cơ sở ể phát huy cao nhất yếu tố con người trong chiến tranh D. Điều kiện ể phát huy sức mạnh trong nước và ngoài nước **Câu 26. Mặt trận có ý nghĩa quyết ịnh thắng lợi của chiến tranh là:**
4. Mặt trận quân sự
5. Mặt trận kinh tế
6. Mặt trận ngoại giao
7. Mặt trận chính trị

**Câu 27. Trong chiến tranh, yếu tố quyết ịnh thắng lợi trên chiến trường là:**

1. Chính trị, tinh thần
2. Vũ khí, trang bị hiện ại
3. Nghệ thuật tác chiến
4. Vũ khí và người chỉ huy

**Câu 28. Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, phải kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa chiến ấu vừa sản xuất, vì:**

1. Nhu cầu bảo ảm cho chiến tranh và ổn ịnh ời sống nhân dân òi hỏi cao và khẩn trương
2. Cuộc chiến tranh rất ác liệt, thương vong về người và tiêu hao về vật chất kỹ thuật sẽ rất lớn
3. Quy mô cuộc chiến tranh sẽ mở rộng, không phân biệt tiền tuyến, hậu phương
4. Kẻ thù sử dụng vũ khí công nghệ cao, thực hiện ánh nhanh, thắng nhanh, tàn phá rất lớn **BÀI 5 (59 Câu) Câu 1. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam gồm:**
5. Quân ội nhân dân, công an nhân dân, dân quân tự vệ
6. Bộ ội thường trực, lực lượng công an, dân quân tự vệ
7. Bộ ội chủ lực, bộ ội ịa phương, dân quân tự vệ
8. Bộ ội chủ lực, công an nhân dân, bộ ội biên phòng **Câu 2. Ngày, tháng, năm thành lập Quân ội nhân dân Việt Nam:**
9. 22/12/1944
10. 19/08/1945
11. 20/12/1944
12. 22/12/1945

**Câu 3. Đặc iểm thuận lợi trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:**

1. Tiềm lực và vị thế của nước ta ược tăng cường
2. Quan hệ quốc tế ngày càng ược mở rộng
3. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu hơn
4. Kinh tế vẫn tiếp tục tăng trưởng ổn ịnh

**Câu 4. Nguyên tắc lãnh ạo của Đảng ối với lực lượng vũ trang nhân dân:**

A. Tuyệt ối, trực tiếp về mọi mặt B. Tuyệt ối, trực tiếp và toàn diện

1. Trực tiếp, tuyệt ối về mọi mặt
2. Trực tiếp, toàn diện mọi lĩnh vực

**Câu 5. Lực lượng vũ trang nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc có vị trí là lực lượng:**

1. Nòng cốt của quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và chiến tranh nhân dân
2. Xung kích trong các hoạt ộng quân sự, an ninh và quyết ịnh trong chiến tranh
3. Chủ yếu của sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, nòng cốt trong xây dựng ất nước
4. Nòng cốt quyết ịnh sức mạnh QPAN của ta trong thời bình **Câu 6. Ngày, tháng, năm thành lập Dân quân tự vệ Việt Nam:**
5. 28/3/1935
6. 30/4/1975
7. 28/3/1930
8. 19/8/1945

**Câu 7. Quan iểm của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân:**

1. Tự lực, tự cường xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
2. Phát huy nội lực, tự chủ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
3. Độc lập, dựa vào sức mình ể xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
4. Phát huy tự chủ, tự lực xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân **Câu 8. Dân quân tự vệ Việt nam là:**
5. Một bộ phận quan trọng trong lực lượng vũ trang ịa phương
6. Thành phần quan trọng của ba thứ quân trong lực lượng vũ trang
7. Một bộ phận cơ bản nhất của lực lượng vũ trang nhân dân
8. Lực lượng chiến ấu thường xuyên trên mặt trận quân sự

**Câu 9. Lực lượng ược Chủ tịch Hồ Chí Minh ánh giá “…là lực lượng vô ịch, là bức tường sắt của Tổ quốc…” ó là:**

1. Lực lượng dân quân tự vệ
2. Lực lượng vũ trang quần chúng
3. Lực lượng vũ trang ịa phương
4. Lực lượng vũ trang tại chỗ

**Câu 10. Quan iểm, nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:**

1. Giữ vững và tăng cường sự lãnh ạo của Đảng ối với lực lượng vũ trang
2. Bảo ảm cho lực lượng vũ trang có lòng trung thành với Tổ quốc
3. Lực lượng vũ trang nhân dân phải luôn trung với Đảng, hiếu với dân
4. Xây dựng lực lượng vũ trang tang cường bản chất giai cấp công nhân **Câu 11. Ngày, tháng, năm thành lập Công an nhân dân Việt Nam:**
5. 19/8/1945
6. 19/8/1944
7. 22/12/1945
8. 20/12/1944

**Câu 12. *“Tổ chức các ơn vị phải gọn, mạnh, cơ ộng nhanh, có sức chiến ấu cao”* là biện pháp chấn chỉnh tổ chức biên chế lực lượng vũ trang ối với:** A. Bộ ội chủ lực

1. Bộ ội ịa phương
2. Bộ ội binh chủng D. Bộ ội cơ ộng

**Câu 13. Phong trào tăng gia sản xuất của các ơn vị Quân ội nhân dân Việt Nam ã phản ánh thường xuyên chức năng:**

1. Đội quân sản xuất
2. Đội quân xây dựng
3. Đội quân tăng gia
4. Đội quân lao ộng

**Câu 14. Một trong ba bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là:**

1. Dân quân tự vệ
2. Dân phòng
3. Thanh niên xung kích D. Bảo vệ khu phố

**Câu 15. Cán bộ, chiến sỹ Quân ội nhân dân Việt Nam ược nhân dân gọi với cái tên trìu mến:** A. Bộ ội Cụ Hồ

1. Con em nhân dân
2. Bộ ội Bác Hồ
3. Anh vệ quốc quân

**Câu 16. Thực hiện phương hướng xây dựng quân ội, là phải xây dựng quân ội tinh nhuệ về:** A. Kỹ, chiến thuật

1. Điều lệnh ội ngũ
2. Công tác tuyên truyền
3. Kỷ luật, oàn kết

**Câu 17. Sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân phụ thuộc vào:**

1. Sự phát triển kinh tế, xã hội
2. Vũ khí, nghệ thuật quân sự
3. Sự phát triển của khoa học
4. Văn hóa, khoa học quân sự

**Câu 18. *“ Xây dựng lục lượng vũ trang nhân dân trong iều kiện quốc tế ã thay ổi, có nhiều diễn biến phức tạp”*, là nội dung của:**

A. Đặc iểm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân B. Điều kiện xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

1. Tình hình xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
2. Biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân **Câu 19. Luật Dân quân tự vệ ược ban hành:**
3. Năm 2009
4. Năm 2007
5. Năm 2008
6. Năm 2010

**Câu 20. Một trong những phương hướng xây dựng lực LLVTND là xây dựng:**

1. Quân ội nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện ại
2. Lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, luôn luôn sẵn sàng chiến ấu
3. Quân ội cách mạng, chính qui, oàn kết, thống nhất, ngày càng hiện ại
4. Quân ội chính qui, hiện ại, tinh nhuệ, luôn luôn sẵn sàng chiến ấu cao **Câu 21. Phương hướng xây dựng lực lượng dự bị ộng viên:**
5. Hùng hậu, ược huấn luyện và quản lý tốt, ảm bảo khi cần ộng viên nhanh theo kế hoạch
6. Có số lượng ông ảo, chất lượng ngày càng cao, huấn luyện thường xuyên theo kế hoạch
7. Lực lượng dự bị hùng hậu, luôn trong tư thế sẵn sàng ộng viên nhanh theo kế hoạch
8. Hùng hậu, vững mạnh, ược nâng cao chất lượng huấn luyện và sẵn sàng chiến ấu **Câu 22. Để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng hùng mạnh, chúng ta phải:**
9. Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang
10. Nhanh chóng giải quyết yêu cầu về trang bị, vật chất cho lực lượng vũ trang
11. Từng bước bảo ảm hậu cần, kỹ thuật, phương tiện hiện ại cho quân ội
12. Tích cực ổi mới, kịp thời bổ sung ầy ủ vũ khí kỹ thuật cho lực lượng vũ trang **Câu 23. Quan iểm của Đảng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là phải:**
13. Lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở
14. Lấy chất lượng là trọng tâm, lấy chính trị, tư tưởng là chủ yếu
15. Xây dựng toàn diện, tập trung ẩy mạnh hiện ại quân ội
16. Xây dựng ồng bộ cả số lượng, chất lượng bộ ội và vũ khí

**Câu 24. Thách thức lớn ối với chúng ta trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:**

1. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, ạo ức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, ảng viên
2. Tình trạng ạo ức xuống cấp, ời sống nhân dân lao ộng còn khó khăn, tội phạm và tệ nạn xã hội chưa giảm
3. Trật tự, an toàn xã hội còn nhiều phức tạp, trật tự kỷ cương còn lỏng lẻo, tai nạn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm ang là vấn ề bức xúc
4. Kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, hàng gian, hàng giả, buôn lậu, trốn thuế vẫn còn phổ biến, gây bức xúc trong nhân dân

**Câu 25. Tổ chức biên chế lực lượng vũ trang nhân dân cần phải:**

1. Xuất phát từ quan iểm của Đảng về chiến tranh nhân dân
2. Xuất phát từ tình hình thế giới và âm mưu của kẻ thù
3. Xuất phát từ hoàn cảnh, iều kiện cụ thể của ất nước
4. Phù hợp với xu thế chung của thế giới và từng khu vực **Câu 26. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ phải chú trọng:**
5. Xây dựng cả số lượng và chất lượng, lấy chất lượng làm chính
6. Xây dưng dân quân tự vệ áp ứng ược mọi tình huống
7. Xây dựng rộng khắp cả nước, có trọng tâm, trọng iểm
8. Xây dựng vững mạnh, toàn diện, coi trọng ý chí chiến ấu

**Câu 27. Đối với sự tác ộng của bên ngoài thì khó khăn lớn cho ta trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:**

1. Chủ nghĩa ế quốc và các thế lực phản ộng ẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình”, với mục tiêu vô hiệu hóa, phi chính trị hóa lực lượng vũ trang
2. CNXH ở Đông Âu, Liên xô sụp ổ, chúng ta không còn có sự gúp ỡ của các nước trong phe

XHCN

1. Trên thế giới, chiến tranh cục bộ, xung ột vũ trang, xung ột dân tộc, chạy ua vũ trang, hoạt ộng khủng bố tiếp tục diễn ra nhiều nơi
2. Khu vực Đông Nam Á vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn ịnh, tranh chấp biên giới, tài nguyên tiếp tục diễn ra với tính chất ngày càng phức tạp

**Câu 28. Để ảm bảo sự lãnh ạo của Đảng ối với lực lượng vũ trang nhân dân, phải xây dựng các tổ chức Đảng:**

1. Trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức
2. Vững mạnh toàn diện, có ý chí kiên cường, sức chiến ấu cao
3. Vững mạnh, trong sạch, tác phong và kỷ luật nghiêm minh
4. Trong sạch, vững chắc, có số lượng ông, chất lượng cao

**Câu 29. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong giai oạn mới, chúng ta phải thực hiện tốt biện pháp:**

1. Thực hiện nghiêm túc và ầy ủ các chính sách của Đảng, Nhà nước ối với lực lượng vũ trang nhân dân
2. Xây dựng quân ội, lực lượng dự bị ộng viên và công an vững mạnh về mọi mặt, luôn luôn sẵn sàng chiến ấu
3. Xây dựng dân quân tự vệ rộng khắp, ủ sức hoàn thành nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ Tổ quốc Việt

Nam XHCN

1. Thực hiện ầy ủ các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước ối với lực lượng vũ trang nhân dân

**Câu 30. Một trong những biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:**

1. Xây dựng ội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt
2. Huấn luyện cho cán bộ, chiến sỹ có kỹ thuật, chiến thuật giỏi, chuyên môn cao
3. Tổ chức biên chế các ơn vị phải áp ứng yêu cầu nhiệm vụ khu vực phòng thủ
4. Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quân ội, công an và dân quân tự vệ **Câu 31. Xây dựng quân ội cách mạng là làm cho lực lượng này phải:**
5. Tuyệt ối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân
6. Luôn luôn trnng thành, sẵn sàng hy sinh anh dũng khi Tổ quốc cần
7. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân, giữ vững lòng trung thành
8. Ý chí quyết tâm cao, bản lĩnh vững vàng, không sợ gian khổ, hy sinh **Câu 32. Xây dựng quân ội chính quy nhằm:**
9. Thống nhất ý chí và hành ộng của mọi quân nhân
10. Hoạt ộng thống nhất trong một ơn vị quân ội
11. Làm cho quân ội hùng mạnh, sẵn sàng chiến ấu
12. Tạo sức mạnh tổng hợp cho lực lượng quân ội

**Câu 33. Quân ội giỏi sử dụng các loại vũ khí, phương tiện ược trang bị, giỏi cách ánh, vận dụng mưu trí sáng tạo các hình thức chiến thuật là thể hiện:**

1. Tinh nhuệ về kỹ chiến thuật
2. Tinh nhuệ về ý chí quyết tâm
3. Tinh nhuệ về nghệ thuật quân sự
4. Tinh nhuệ về huấn luyện

**Câu 34. Đứng trước diễn biến của tình hình, cán bộ, chiến sỹ quân ội, công an có khả năng phân tích và kết luận chính xác úng, sai, từ ó có thái ộ úng ắn là biểu hiện quân ội, công an:**

1. Tinh nhuệ về chính trị
2. Nhận thức về chính trị
3. Trình ộ về chính trị
4. Khả năng về chính trị

**Câu 35. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ ộng khắc phục mọi khó khăn, xây dựng ơn vị vững mạnh toàn diện là thực hiện quan iểm:**

1. Tự lực tự cường xây dựng lực lượng vũ trang
2. Ý chí quyết tâm xây dựng lực lượng vũ trang
3. Tự lực cánh sinh xây dựng lực lượng vũ trang
4. Tự chủ, tự cường xây dựng lực lượng vũ trang

**Câu 36: Theo quan iểm chủ nghĩa Mác-Lênin thì *“chính trị tinh thần”* là yếu tố giữ vai trò quyết ịnh ến:**

A. Sức mạnh của quân ội B. Sức mạnh của Nhà nước

1. Sức mạnh của Đảng
2. Sức mạnh của toàn dân

**Câu 37. Vấn ề cơ bản hàng ầu trong nhiệm vụ xây dựng quân ội của Đảng ta là:**

1. Xây dựng quân ội cách mạng
2. Xây dựng quân ội trung thành
3. Xây dựng quân ội hùng mạnh
4. xây dựng quân ội tinh nhuệ

**Câu 38. Câu nói “ i dân nhớ, ở dân thương” phản ánh chức năng ội quân công tác của quân ội, là hiệu quả của:**

1. Công tác dân vận
2. Công tác tuyên truyền
3. Công tác binh vận
4. Công tác quần chúng

**Câu 39. Điều kiện tiên quyết bảo ảm cho lực lượng vũ trang nhân dân luôn giữ vững bản chất cách mạng là:**

1. Giữ vững và tăng cường sự lãnh ạo của Đảng
2. Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng
3. Giữ vững và tăng cường oàn kết quân dân
4. Chăm lo ời sống vật chất tinh thần

**Câu 40. Đảng không nhường hoặc chia sẻ quyền lãnh ạo lực lượng vũ trang nhân dân cho bất cứ giai cấp, tổ chức, lực lượng nào ối với lực lượng vũ trang là bảo ảm nguyên tắc:**

1. Đảng lãnh ạo tuyệt ối
2. Đảng lãnh ạo trực tiếp
3. Đảng lãnh ạo toàn diện
4. Đảng lãnh ạo ộc tôn

**Câu 41. Câu nói *“Dân quân tự vệ và du kích là một lực lượng vô ịch, là bức tường sắt của Tổ quốc, vô luận kẻ thù hung bạo thế nào, hễ ụng ến lực lượng ó, bức tường ó thì ịch nào cũng phải tan rã.*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh ã:**

1. Đánh giá úng ắn vai trò của dân quân tự vệ
2. Ca ngợi ý chí sắt á của dân quân tự vệ
3. Biểu dương sức mạnh của dân quân tự vệ
4. Đánh giá khả năng to lớn của dân quân tự vệ

**Câu 42. *“Kiên ịnh mục tiêu lý tưởng XHCN, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ ược giao”* là nội dung của:**

1. Xây dựng quân ội, công an cách mạng
2. Giáo dục chính trị tư tưởng cho quân ội
3. Tình hình của lực lượng vũ trang ta
4. Xây dựng quân ội, công an tinh nhuệ

**Câu 43. *“Đảm bảo lực lượng vũ trang luôn trong tư thế sẵn sàng chiến ấu và chiến ấu thắng lợi*”, là nội dung của:**

1. Quan iểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
2. Đặc iểm, nguyên tắc chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
3. Yêu cầu chủ yếu cần tập trung xây dựng lực lượng vũ tranh nhân dân
4. Biện pháp chủ yếu vận dụng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

**Câu 44*. “Thống nhất về quan iểm tư tưởng quân sự, về nghệ thuật quân sự, về phương pháp huấn luyện, giáo dục*”, là nội dung của:**

1. Xây dựng quân ội, công an chính quy
2. Xây dựng quân ội, công an cách mạng
3. Giáo dục quân sự cho quân ội, công an
4. Yêu cầu xây dựng quân ội chính quy

**Câu 45. *“Xây dựng lực lượng dự bị ộng viên hùng hậu, ược huấn luyện và quản lý tốt, ảm bảo khi cần thiết có thể ộng viên nhanh theo kế hoạch”,* là nội dung của:**

1. Phương hướng xây dựng lực lượng dự bị ộng viên
2. Mục ích xây dựng lực lượng dự bị ộng viên
3. Yêu cầu xây dựng lực lượng dự bị ộng viên
4. Biện pháp xây dựng lực lượng dự bị ộng viên

**Câu 46. *“Xây dựng ội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt*”, là nội dung của:**

1. Biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang
2. Yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang
3. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang
4. Quan iểm xây dựng lực lượng vũ trang

**Câu 47. *“Tích cực phát triển kinh tế và thực hành tiết kiệm”,* là nội dung của quan iểm nguyên tắc:**

1. Tự lực, tự cường xây dựng lực lượng vũ trang
2. Vừa sản xuất, vừa chiến ấu trong chiến tranh
3. Kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh
4. Chủ ộng chuẩn bị trong chiến tranh nhân dân

**Câu 48. *“Quân ội, công an phải có tinh thần oàn kết quân dân, oàn kết nội bộ, oàn kết quốc tế tốt”,* là nội dung của:**

A. Xây dựng quân ội, công an cách mạng B. Giáo dục chính trị cho công an, quân ội

1. Xây dựng quân ội, công an chính quy
2. Yêu cầu xây dựng quân ội, công an

**Câu 49. *“Bảo ảm lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến ấu và chiến ấu thắng lợi”* là một quan iểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng ta, quan iểm nguyên tắc này phản ánh:**

1. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân
2. Tính chủ ộng ối phó kịp thời với kẻ ịch ang luôn tìm cách phá hoại ta
3. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân
4. Yêu cầu nhiệm vụ thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân

**Câu 50. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh ạo “*tuyệt ối*” lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam ược thể hiện:**

1. Đảng không nhường, hoặc chia sẻ quyền lãnh ạo cho bất cứ giai cấp, lực lượng, tổ chức nào
2. Đảng không chia quyền lãnh ạo lực lượng vũ trang cho bất cứ ai trong thời bình và thời chiến
3. Đảng chia sẻ quyền lãnh ạo lực lượng vũ trang cho giai cấp khác khi ất nước khó khăn
4. Đảng sẽ nhường quyền lãnh ạo lực lượng vũ trang cho ảng phái khác khi có chiến tranh **Câu 51. Mâu thuẫn chủ yếu hiện nay và những năm tới trong xây dựng lực lượng vũ trang là:**
5. Nhu cầu ầu tư cho quốc phòng, an ninh, cho xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng lớn và cấp thiết, nhưng khả năng của nền kinh tế, ngân sách Nhà nước còn rất hạn hẹp
6. Yêu cầu phải làm chủ trang bị vũ khí hiện ại, nhưng trình ộ quản lý, khai thác và sử dụng của cán bộ, chiến sỹ còn hạn chế
7. Nhu cầu ầu tư cho xây dựng công trình quốc phòng, an ninh, tăng cường chất lượng huấn luyện rất lớn, nhưng ngân sách và cơ sở vật chất còn hạn hẹp
8. Yêu cầu òi hỏi chất lượng cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật rất cao, nhưng chất lượng ào tạo, huấn luyện còn hạn chế

**Câu 52. Trận ánh ầu tiên của Quân ội nhân dân Việt Nam sau khi thành lập là:**

1. Phai Khắt
2. Đông Khê
3. Chợ Đồn D. Chợ Rã

**Câu 53. Trong những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, việc chấn chỉnh tổ chức biên chế ối với các ơn vị bộ ội chủ lực là tổ chức các ơn vị phải:**

1. Gọn, mạnh, cơ ộng, có sức chiến ấu cao
2. Có số lượng hợp lý, chất lượng cao
3. Phù hợp với chức năng nhiệm vụ
4. Gắn với nhiệm vụ trong khu vực phòng thủ **Câu 54. Xây dựng quân ội từng bước hiện ại, nghĩa là:**
5. Bằng khả năng của nền kinh tế và trình ộ khoa học của ất nước ể ưa quân ội từng bước tiến lên hiện ại
6. Tùy thuộc vào khả năng của nền kinh tế và phát triển của quân ội mà từ từ ưa quân ội tiến lên hiện ại
7. Bằng trình ộ khoa học của ất nước và khả năng công nghiệp quốc phòng mà lần lượt hiện ại các ơn vị quân ội
8. Dựa vào khả năng của công nghiệp quốc phòng và trình ộ khoa học của quân ội từ từ ưa quân ội lên hiện ại

**Câu 55. Xây dựng các tổ chức Đảng trong lực lượng vũ trang nhân dân trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức là ể:**

1. Giữ vững vai trò lãnh ạo của Đảng ối với lực lượng vũ trang
2. Bảo ảm cho lực lượng vũ trang có sức mạnh chiến ấu toàn diện
3. Giữ vững lòng trung thành của quân ội ối với Đảng, với nhân dân
4. Bảo ảm cho lực lượng vũ trang có ý chí quyết chiến, quyết thắng **Câu 56. Quân ội chính quy là phải:**
5. Luôn luôn thống nhất ý chí và hành ộng
6. Thường xuyên thống nhất mọi hoạt ộng
7. Luôn luôn duy trì tốt mọi chế ộ hoạt ộng
8. Duy trì thường xuyên nề nếp hoạt ộng

**Câu 57. Thực trạng của Quân ội nhân dân Việt Nam hiện nay:**

1. Đã hoàn thành tốt cả ba chức năng
2. Giải quyết ược tình huống phức tạp
3. Chưa áp ứng ược yêu cầu hiện nay
4. Trình ộ sẵn sàng chiến ấu còn yếu

**Câu 58*. “Xây dựng quân ội, công an cách mạng”* trong phương hướng xây dựng quân ội, công an của Đảng ta là:**

1. Vấn ề cơ bản hàng ầu trong mọi giai oạn cách mạng
2. Nội dung quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc
3. Vấn ề cần quan tâm trong xây dựng lực lượng vũ trang
4. Nhiệm vụ quan trọng trong các thời kỳ cách mạng

**Câu 59. Lá cờ của quân ội nhân dân Việt Nam (Quân kỳ) mang dòng chữ:**

1. Quyết chiến quyết thắng
2. Quyết ánh quyết thắng
3. Quyết chiến thành công
4. Anh hùng quyết thắng

# BÀI 6 (74 Câu)

**Câu 1. Quốc phòng là công việc giữ nước của một quốc gia, nhằm mục ích:**

1. Bảo vệ vững chắc ộc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường thuận lợi ể xây dựng ất nước
2. Bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng
3. Bảo vệ chế ộ XHCN, bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao ộng
4. Bảo vệ chính quyền, chống lại mọi âm mưu thủ oạn chống phá của chủ nghĩa ế quốc và các thế lực phản ộng

**Câu 2. Hoạt ộng an ninh của một quốc gia là ể bảo ảm:**

1. Đất nước trạng thái ổn ịnh an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm e dọa sự tồn tại và phát triển
2. Đất nước ổn ịnh, bình yên, tính mạng và tài sản nhân dân ược bảo vệ, xã hội không ngừng phát triển
3. Đất nước an toàn, xã hội trật tự không bị rối loạn, mọi người ược sống bình yên, xã hội tồn tại và phát triển
4. Đất nước thanh bình, xã hội có trật tự kỷ cương, mọi người ược an toàn, xã hội tồn tại và phát triển

**Câu 3. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở nước ta hiện nay là:**

1. Hoạt ộng tích cực, chủ ộng của Nhà nước và nhân dân trong việc gắn kết chặt chẽ hoạt ộng kinh tế-xã hội, QPAN trong một chỉnh thể thống nhất
2. Hành ộng của toàn dân dưới sự lãnh ạo của Đảng thực hiện thống nhất các hoạt ộng kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và ối ngoại
3. Hoạt ộng tích cực của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thực hiện trên phạm vi cả nước gắn kết các hoạt ộng lại với nhau một cách thống nhất
4. Việc làm một cách chủ ộng của nhà nước iều hành thực hiện thống nhất, chặt chẽ các hoạt ộng knh tế - xã hội, QPAN trên cả nước

**Câu 4. Tác ộng tích cực của quốc phòng, an ninh ối với kinh tế là:**

1. Tạo môi trường hòa bình, ổn ịnh tạo iều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển
2. Tiêu thụ nhiều sản phẩm của kinh tế, tạo iều kiện kích thích tăng trưởng kinh tế
3. Tiêu dùng của quốc phòng, an ninh sẽ là thị trường cho kinh tế tiêu thụ sản phẩm
4. Lực lượng thực hiện nghĩa vụ quân sự, khi hoàn thành sẽ là nguồn lao ộng tốt **Câu 5. Đối với một quốc gia, hoạt ộng kinh tế là:**
5. Hoạt ộng cơ bản, thường xuyên, gắn liền với sự tồn tại và phát triển
6. Hoạt ộng chủ yếu làm cho quốc gia luôn luôn tồn tại và phát triển
7. Hoạt ộng cơ bản, thường xuyên, quyết ịnh tất cả mọi hoạt ộng khác
8. Hoạt ộng quan trọng không thể thiếu ược trong quá trình tồn tai

**Câu 6. *“Tăng cường sự lãnh ạo của Đảng và hiệu lực quản lý của nhà nước , của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN”* là một trong những nội dung của:**

A. Giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp kinh tế-xã hội với QPAN B. Kết hợp trong xác ịnh chiến lược phát triển kinh tế với QPAN

1. Đặc iểm của việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với QPAN
2. Yêu cầu ối với việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với QPAN

**Câu 7. Một trong những văn bản quy phạm pháp luật là cơ sở ể thực hiện kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN là:**

1. Nghị inh 119/2004/NĐ-CP
2. Nghị ịnh 116/2007/NĐ-CP
3. Chỉ thị 18/2000/CT-TTg
4. Chỉ thị 12-CT/TW

**Câu 8. Kinh tế, quốc phòng, an ninh có mối quan hệ, tác ộng qua lại lẫn nhau, trong ó:** A. Kinh tế quyết ịnh ến quốc phòng, an ninh

1. Quốc phòng, an ninh không phụ thuộc vào kinh tế
2. Quốc phòng an ninh dựa vào sự phát triển kinh tế
3. Kinh tế tác ộng tích cực ến quốc phòng, an ninh

**Câu 9. Kinh tế quyết ịnh ến quốc phòng, an ninh, trong ó có quyết ịnh ến việc:**

1. Cung cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực cho hoạt ộng quốc phòng, an ninh
2. Bảo ảm vật chất, trang bị vũ khí hiện ại cho hoạt ộng quốc phòng, an ninh
3. Cung cấp nguồn nhân lực và tổ chức bố trí lưc lượng vũ trang nhân dân D. Tổ chức bố trí lực lượng và cơ sở vật chất kỹ thuật cho quốc phòng, an ninh

**Câu 10. Kinh tế, quốc phòng, an ninh mỗi lĩnh vực ều có quy luật phát triển ặc thù, do ó việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN phải thực hiện một cách:**

1. Khoa học, hợp lý, cân ối và hài hòa
2. Khoa học, hài hòa, cân ối và chặt chẽ
3. Cụ thể, khoa học, thống nhất và cân ối
4. Chặt chẽ, cụ thể, cân ối và hài hòa

**Câu 11. Kinh tế, quốc phòng, an ninh có mối quan hệ với nhau, trong ó:**

1. QPAN tác ộng trở lại kinh tế-xã hội cả tích cực và tiêu cực
2. Kinh tế tác ộng ảnh hưởng rất lớn ến sự phát triển của QPAN
3. QPAN chỉ tác ộng tích cực là chủ yếu ến kinh tế-xã hội
4. Kinh tế tác ộng cả tích cực và tiêu cực ến sự phát triển QPAN

**Câu 12. *“Hoạt ộng QPAN có thể dẫn ến hủy hoại môi trường sinh thái*” là một trong những tác ộng:**

1. Tiêu cực cùa QPAN ối với kinh tế-xã hội
2. Ảnh hưởng của QPAN ến kinh tế-xã hội
3. Sâu sắc của QPAN ến kinh tế-xã hội D. Tích cực của QPAN ến kinh tế-xã hội

**Câu 13. Trong kháng chiến chống Pháp, Đảng ta chủ trương *“vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”* là thực hiện úng ắn:**

1. Kết hợp kinh tế với quốc phòng
2. Kết hợp kinh tế với quân sự
3. Kết hợp tiền tuyến với hậu phương D. Kết hợp chiến ấu với sản xuất

**Câu 14. Bản chất của chế ộ kinh tế-xã hội quyết ịnh ến:**

1. Bản chất của QPAN
2. Mục tiêu của QPAN
3. Tính chất của QPAN
4. Mục ích của QPAN

**Câu 15. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ối với nước ta là:** A. Một tất yếu

1. Rất cần thiết
2. Một yêu cầu
3. Rất quan trọng

**Câu 16. Ông cha ta ã thể hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng bằng kế sách:**

1. Ngụ binh ư nông
2. Ngụ nông ư binh
3. Nông binh cư ngụ
4. Ngụ binh công nông

**Câu 17. Kinh tế, quốc phòng, an ninh là ba mặt hoạt ộng cơ bản nhất của một quốc gia, mỗi lĩnh vực có mục ích, cách thức hoạt ộng riêng và chịu sự chi phối của:**

1. Hệ thống quy luật riêng
2. hệ thống quy tắc riêng
3. Hệ thống quy luật chung
4. Hệ thống pháp quy chung

**Câu 18. Kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam ã có:**

1. Từ lâu ời
2. Thời phong kiến
3. Khi chống Pháp
4. Thời chống Mỹ

**Câu 19. Đối với vùng kinh tế trọng iểm, hiện nay nước ta xác ịnh:**

1. 4 vùng kinh tế trọng iểm
2. 3 vùng kinh tế trọng iểm
3. 5 vùng vùng kinh tế
4. 6 vùng kinh tế trọng iểm

**Câu 20. Trên thế giới việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh ược thực hiện ở:**

1. Tất cả các nước
2. Những nước nghèo C. Các nước phát triển D. Những nước giàu

**Câu 21. Trong kháng chiến chống Mỹ, việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở nước ta ã thể hiện trong việc xác ịnh:**

1. Miền Bắc là hậu phương, miền Nam là tiền tuyến
2. Miền Bắc là căn cứ, miền Nam là chiến trường
3. Miền Bắc xây dựng, miền Nam chiến ấu
4. Miền Bắc chống Mỹ, miền Nam diệt ngụy

**Câu 22. Một trong những ặc iểm ối với vùng kinh tế trọng iểm là:**

1. Mật ộ dân cư, tính chất ô thị hóa cao
2. Tính chất phức tap bởi ô thị hóa cao
3. Dân cư ông úc, an ninh phức tạp
4. Dân số ông, ô thị phát triển nhanh

**Câu 23. Trong giai oạn hiện nay, chúng ta phải kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN là ể:**

1. Thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược
2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện ại hóa ất nước
3. Bảo vệ mọi thành quả cách mạng ã ạt ược
4. Giữ vững hòa bình, bảo vệ cuộc sống nhân dân

**Câu 24. Kinh tế quyết ịnh ến quốc phòng, an ninh, trong ó có:**

1. Quyết ịnh ến việc cung cấp số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh
2. Cung cấp cơ sở vật chất, vũ khí, trang bị chiến ấu cho các lực lượng vũ trang nhân dân
3. Bảo ảm ầy ủ cơ sở vật chất kỹ thuật cho mọi hoạt ộng của lực lượng vũ trang nhân dân
4. Quyết ịnh việc tổ chức khu vực phòng thủ, cơ sở vật chất kỹ thuật cho quân ội, công an nhân dân

**Câu 25. Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN, chúng ta phải thực hiện biện pháp:**

1. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong thời kỳ mới
2. Mở rộng quan hệ ối ngoại, hợp tác quốc tế về kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, quốc phòng, an ninh
3. Tổ chức biên chế và bố trí lực lượng vũ trang phải phù hợp với iều kiện kinh tế và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc
4. Coi trọng giáo dục bồi dưỡng nhân lực, ào tạo nhân tài của ất nước, áp ứng yêu cầu xây dựng phát triển kinh tế-xã hội

**Câu 26. Ông cha ta xưa kia ã thực hiện kế sách “ ộng vi binh, tĩnh vi dân” nghĩa là:**

1. Khi có chiến tranh là người lính chiến ấu, ất nước hòa bình là người dân phát triển kinh tế
2. Khi ất nước bình yên người dân luôn làm người lính sẵn sàng chiến ấu
3. Khi ất nước có loạn người lính cũng làm người dân phát triển kinh tế
4. Khi ất nước chiến tranh hoặc hòa bình mọi người ều phải làm người dân và người lính **Câu 27. Kinh tế quyết ịnh ến QPAN, trong ó có nội dung:**
5. Quyết ịnh ến nguồn gốc ra ời, sức mạnh của quốc phòng, an ninh
6. Quyết ịnh việc cung ứng vật chất cho quốc phòng,an ninh
7. Quyết ịnh ến tổ chức nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh
8. Quyết ịnh việc cung cấp kỹ thuật, công nghệ cho quốc phòng, an ninh.

**Câu 28. Chủ trương của Đảng ta ã từng thực hiện trong kháng chiến chống Pháp về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là:**

1. Vừa kháng chiến vừa kiến quốc
2. Kết hợp chiến ấu với xây dựng
3. Kết hợp sản xuất với thực hành tiết kiệm
4. Vừa xây dựng làng xã vừa kháng chiến

**Câu 29. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trước hết phải kết hợp trong:**

1. Xác ịnh chiến lược phát triển kinh tế-xã hội
2. Chiến lược phát triển công nghiệp hóa - hiện ại hóa .
3. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực hiện ại hóa ất nước
4. Xác ịnh chiến lược phát triển khoa hoc và công nghệ

**Câu 30. Đối với các vùng kinh tế trọng iểm, việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN phải nhằm:**

1. Đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh thời bình và chuẩn bị áp ứng nhu cầu chi viện cho các chiến trường khi chiến tranh xảy ra
2. Đáp ứng phục vụ yêu cầu phòng thủ ở từng tỉnh, thành phố trong thời bình và chuẩn bị ế áp ứng cho cả thời chiến
3. Đáp ứng phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh và phòng thủ trong thời bình, ồng thời dự trữ chuẩn bị chi viện cho thời chiến
4. Phát triển kinh tế phải áp ứng phục vụ thỏa mãn ầy ủ nhu cầu dân sinh và nhu cầu của quân sự

**Câu 31. Trong kháng chiến chống Mỹ, Đảng ã ề ra chủ trương: *“Trong xây dưng kinh tế, phải thấu suốt nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, cũng như trong củng cố quốc phòng phải khéo sắp xếp cho ăn khớp với công cuộc xây dựng kinh tế”*, chủ trương ó ược triển khai thực hiện:**

1. Ở miền Bắc
2. Trên cả nước
3. Ở miền Nam
4. Ở miền Trung

**Câu 32. Đối với các vùng lãnh thổ, các tỉnh, thành phố, việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trước hết cần phải:**

1. Kết hợp trong xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể
2. Kết hợp quy hoạch phát triển dân cư và khu công nghiệp
3. Kết hợp trong quy hoạch tổng thể và cụ thể
4. Kết hợp trong quy hoạch xây dựng các khu kinh tế

**Câu 33. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QPAN ối với vùng núi biên giới là cực kỳ quan trọng, vì vùng núi biên giới là:**

1. Vùng có tầm quan trọng ặc biệt trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc
2. Nơi dân cư ời sống còn nhiều khó khăn, kinh tế chậm phát triển
3. Khu vực trọng iểm của chiến lược “Diễn biến hòa bình”
4. Vùng hậu phương chiến lược của cả nước nếu chiến tranh xảy ra

**Câu 34. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở vùng biển, ảo cần phải:**

1. Phát triển các loại hình dịch vụ trên biển, ảo, tạo iều kiện cho dân bám trụ, sinh sống, làm ăn
2. Có cơ chế chính sách thỏa áng ể ộng viên ngư dân ầu tư tàu thuyền ánh bắt xa bờ
3. Phát triển các tập thể, các ội tàu thuyền ánh cá ể có iều kiện xây dựng, lực lượng dân quân
4. Có cơ chế chính sách thỏa áng ể ngư dân yên tâm bám biển, bám làng xây dựng hậu phương **Câu 35. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong công nghiệp sẽ làm cơ sở cho:**
5. Phát triển công nghiệp quốc phòng
6. Phát triển ngành sản xuất vũ khí
7. Phát triển sản xuất trang bị quốc phòng
8. Phát triển sản xuất thiết bị quốc phòng

**Câu 36. Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong công nghiệp là kết hợp:**

1. Trong quy hoạch công nghiệp quốc phòng và xây dựng khu vực phòng thủ
2. Từ khi thực hiện xây dựng các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất
3. Trong khâu quy hoạch, bố trí các khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung
4. Từ khi quy hoạch bố trí các ơn vị kinh tế của các ngành công nghiệp

**Câu 37. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ược biểu hiện trong lĩnh vực quân sự là:**

1. Xây dựng lực lượng dự bị ộng viên hùng hậu
2. Tăng lực lượng dân phòng, giảm quân số thường trực
3. Tăng lực lượng thường trực, giảm lực lượng dự bị
4. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ hùng hậu

**Câu 38 Trong giai oạn hiện nay, Đảng ta xác ịnh, ể thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, chúng ta phải kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN vào:**

1. Trong một chỉnh thể thống nhất
2. Trong phạm vi cả nước
3. Trên từng khu vực chiến lược D. Trên từng lĩnh vực xã hội

**Câu 39. *“Xây dựng các xã trọng iểm về kinh tế, quốc phòng, an ninh*” là một trong những nội dung kết hợp kinh tế, quốc phòng, an ninh ối với:**

1. Vùng núi, biên giới
2. Vùng trọng iểm kinh tế
3. Vùng trọng iểm quốc phòng
4. Vùng ồng bằng, ven biển

**Câu 40. *“Giải quyết tốt các vấn ề xã hội”* là nội dung cần chú trọng khi kết hợp phát triển kinh tếxã hội với củng cố QPAN trong:**

1. Nông , lâm, ngư nghiệp
2. Các khu công nghiệp
3. Các khu vực phòng thủ
4. Nông, công nghiệp

**Câu 41. Khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt của ất nước thường có:**

1. Vùng kinh tế trọng iểm
2. Vùng tập trung công nghiệp
3. Khu chế xuất công nghiệp D. Khu kinh tế tập trung

**Câu 42. *“Tôn trọng ộc lập, chủ quyền, hợp tác bình ẳng cùng có lợi và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau”* là nguyên tắc của kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường QPAN trong:**

1. Lĩnh vực ối ngoại
2. Lĩnh vực ngoại giao
3. Hoạt ộng ối ngoại
4. Hoạt ộng ngoại giao

**Câu 43. *“QPAN vững mạnh sẽ tạo môi trường hòa bình, ổn ịnh lâu dài, tạo iều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội”* là sự tác ộng trở lại với kinh tế ở góc ộ:**

1. Tích cực
2. Hiệu quả C. Cần thiết D. Tiêu cực

**Câu 44. Hoạt ộng QPAN tiêu tốn áng kể một phần nguồn nhân lực, vật lực, tài chính của xã hội, những tiêu dùng này như V.I.Lênin ánh giá là:**

1. Tiêu dùng mất i
2. Tiêu dùng ảnh hưởng
3. Tiêu dùng thiệt hại D. Tiêu dùng bất lợi

**Câu 45. *“Đầu tư chương trình ánh bắt xa bờ*” là một trong những nội dung kết hợp kinh tế, quốc phòng, an ninh ối với:**

1. Vùng biển, ảo
2. Chính sách xã hội
3. Dân quân vùng biển
4. Vùng ngư dân khó khăn

**Câu 46. *“Mật ộ dân cư, tính chất ô thị hóa cao”* là một trong những ặc iểm của:**

1. Vùng kinh tế trọng iểm
2. Vùng quốc phòng trọng iểm
3. Vùng dân cư trọng diểm
4. Vùng an ninh trọng iểm

**Câu 47. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong công nghiệp, chúng ta cần kết hợp ầu tư nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các sản phẩm có:**

1. Tính lưỡng dụng cao trong các cơ sở công nghiệp nặng
2. Công nghệ hiện ại, khoa học tiên tiến trong nhà máy
3. Tính hữu dụng cao, trong các ngành công nghiệp nặng
4. khả năng xuất khẩu cao, thiết thực, hiệu quả lâu dài

**Câu 48. Đối tượng trước tiên phải tập trung bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với quốc phòng an ninh là ội ngũ cán bộ:**

1. Chủ trì các cấp, các bộ, ngành, oàn thể từ trung ương ế cơ sở
2. Cấp tỉnh, bộ, ngành và tương ương từ trung ương ến ịa phương
3. Cấp xã, phường ến huyện, quân và tương ương ở các tỉnh, thành phố
4. Giảng viên, viên chức, học sinh, sinh viên trong hệ thống nhà trường

**Câu 49. Để thực hiện tốt việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN cần quán triệt và thực hiện ồng bộ các giải pháp, trong ó phải quán triệt sâu sắc:**

1. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam cho toàn dân
2. Tính tất yếu khách quan của việc kết hợp kinh tế với quốc phòng
3. Đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
4. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

**Câu 50. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong bưu chính viễn thông cần phải xây dựng:**

1. Kế hoạch ộng viên thông tin liên lạc cho thời chiến
2. Phương án phòng chống chiến tranh iện tử của ịch
3. Kế hoạch bảo ảm chống nhiễu cho thiết bị, phương tiện
4. Phương thức phòng chống chiến tranh tâm lý của ịch

**Câu 51. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh trong giao thông vận tải cần phải tính ến:**

1. Cả nhu cầu hoạt ộng thời bình và thời chiến
2. Khả năng bảo vệ khi ịch ánh phá
3. Nhu cầu bảo ảm cho vận tải quân sự
4. Khả năng cơ ộng cho quân sự và dân sự

**Câu 52. Kinh tế, quốc phòng, an ninh là những lĩnh vực hoạt ộng cơ bản của mỗi quốc gia, mỗi lĩnh vực có mục ích, cách thức hoạt ộng và quy luật riêng, song giữa chúng lại có:** A. Mối quan hệ tác ộng qua lại lẫn nhau

1. Những quan hệ trong cách thức hoạt ộng
2. Mối quan hệ mật thiết, hiểu biết với nhau
3. Quan hệ ít tác ộng qua lại lẫn nhau

**Câu 53. Kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh, ông cha ta ngày xưa ã thực hiện kế sách:** A. Động vi binh, tĩnh vi dân

1. Động vi dân, tĩnh vi binh
2. Động vi binh, tĩnh vi thương D. ộng vi thương, tĩnh vi dân

**Câu 54. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong nông, lâm, ngư nghiệp cần chú trọng:**

1. Giải quyết tốt vấn ề xã hội
2. Phát triển khoa học, công nghệ
3. Giải quyết tốt vấn ề văn hóa
4. Phát triển thông tin tuyên truyền

**Câu 55. Từ khi cả nước thống nhất i lên CNXH, kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở nước ta ã ược:**

1. Triển khai trên quy mô rộng lớn, toàn diện hơn
2. Chú trọng triển khai trên khắp lãnh thổ ất nước
3. Triển khai rộng lớn khắp mọi miền của Tổ quốc
4. Tập trung triển khai một cách toàn diện hơn

**Câu 56. Việc xác lập cơ chế chính sách, bảo ảm ngân sách cho phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN cần ược xây dựng theo quan iểm:** A. Quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

1. Chiến tranh nhân dân, an ninh Tổ quốc
2. Quốc phòng luôn gắn liền với an ninh
3. An ninh quốc gia, quốc phòng toàn quốc **Câu 57. Vùng kinh tế trọng iểm của nước ta thường:**
4. Nằm trong khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt
5. Thuộc vùng phòng thủ then chốt của khu vực phòng thủ C. Nằm ngoài khu vực phòng thủ và phòng thủ cơ ộng

D. Không thuộc khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt

**Câu 58. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong công nghiệp phải tập trung một số:**

1. Ngành công nghiệp liên quan ến quốc phòng, an ninh
2. Nhà máy chuyên sản xuất phục vụ quốc phòng, an ninh
3. Ngành công nghiệp có khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao
4. Doanh nghiệp lớn có thể phục vụ cho quốc phòng, an ninh

**Câu 59. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong nông, lâm, ngư nghiệp cần kết hợp phát triển dân cư với:**

1. Xây dựng làng, xã, huyện ảo vững mạnh
2. Định canh ịnh cư, ổn ịnh ời sống nhân dân
3. Xây dựng khu phố, làng xã văn hóa, an ninh
4. Phát triển ồng ều các làng, xã, huyện ảo

**Câu 60. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong phát triển các vùng lãnh thổ cần phải quan tâm chỉ ạo:**

1. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với xây dựng lực lượng, thế trận quốc phòng an ninh trên từng vùng lãnh thổ
2. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng quần chúng trên các vùng lãnh thổ
3. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp quốc phòng với xây dựng thế trận phòng thủ trên các vùng lãnh thổ
4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với xây dựng các tổ chức chính trị, tổ chức quần chúng trên các vùng lãnh thổ

**Câu 61. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong công nghiệp, cần chú trọng:**

1. Những ngành có tính lưỡng dụng
2. Phát triển ồng bộ các ngành
3. Những ngành công nghệ cao
4. Phát triển các ngành xuất khảu

**Câu 62. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong bưu chính viễn thông cần phải kết hợp chặt chẽ giữa:**

1. Các ngành bưu iện quốc gia với ngành thông tin quân ội, công an
2. Ngành bưu iện quốc gia với các ngành kinh tế, xã hội khác
3. Phát triển các kênh thông tin quốc gia với với các kênh liên lạc quốc tế
4. Ngành bưu iện quốc gia với ngành công nghiệp iện tử

**Câu 63. Trong xây dựng cơ bản, việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN cần phải thực hiện yêu cầu:**

1. Khi xây dựng công trình nào, ở âu ều phải tính ến yếu tố tự bảo vệ và có thể chuyển hóa phục vụ ược cho quốc phòng, an ninh
2. Các công trình trọng iểm, quy mô lớn phải tính ến yếu tố tự bảo vệ và chuyển ổi công năng phục vụ quốc phòng, an ninh
3. Các công trình ở các vùng núi, biên giới phải tính ến yếu tố vững chắc và có thể bảo ảm ược cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
4. Các công trình trong vùng kinh tế trọng iểm phải tính ến yếu tố tự phục vụ và có thể phục vụ ược ngay cho quốc phòng, an ninh

**Câu 64. Kết hợp phát triển kinh tế xã - hội với tăng cường củng cố QPAN trong khoa học, công nghệ và giáo dục cần phải:**

1. Phối kết hợp chặt chẽ và toàn diện hoạt ộng giữa các ngành khoa học và công nghệ then chốt của cả nước với các ngành khoa học của quốc phòng, an ninh
2. Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả nghiên cứu các ề tài khoa học quân sự với các dự án công nghệ và sản xuất các sản phẩm cho xã hội
3. Thực hiện tốt phát triển khoa học công nghệ với khoa học giáo dục quốc phòng, anh ninh một cách hợp lý, cân ối và hài hòa
4. Thực hiện tốt chính sách ưu tiên cho cải cách, ổi mới cơ chế phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự, khoa học an ninh

**Câu 65. Trong lĩnh vực y tế, việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN cần thực hiện:**

1. Xây dựng mô hình quân dân y kết hợp trên các ịa bàn, ặc biệt là miền núi, biên giới, hải ảo
2. Xây dựng mô hình nghiên cứu và ứng dụng khoa học chung cho cả quân và dân y nhất là ở thành phố
3. Tổ chức cho tất cả các cơ sở quân y thực hiện việc khám, chữa bệnh rộng rãi cho toàn thể nhân dân
4. Tổ chức các ội y tế quân dân y ở cơ sở ể phục vụ nhân dân khám, chữa bệnh nhất là vùng biên giới

**Câu 66. Sự phối hợp giữa hoạt ộng ối ngoại với kinh tế, quốc phòng, an ninh là:**

1. Một trong những nội dung cơ bản của chủ trương ối ngoại trong thời kỳ mới
2. Một trong những nội dung ể hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ mới
3. Sự phối hợp một cách toàn diện phù hợp với xu thế toàn cầu hóa hiện nay
4. Sự phối hợp chặt chẽ, ồng bộ của ất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế

**Câu 67. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong phát triển kinh tế, chúng ta phải:**

1. Kết hợp ẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện ại hóa ất nước với phát triển công nghiệp quốc phòng
2. Phát triển công nghiệp dân dụng cùng với ẩy mạnh hiện ại hóa công nghiệp vũ khí quân sự
3. Kết hợp ẩy mạnh hiện ại hóa công nghiệp quốc phòng với ẩy mạnh hiện ại hóa kinh tế D. Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất hiện ại với hiện ại hóa công nghiệp quốc phòng **Câu 68. Để nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp trong việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN, òi hỏi từng cấp phải:**
4. Làm úng chức năng, nhiệm vụ theo quy ịnh của pháp luật
5. Năng ộng, sáng tạo theo thực tế của ịa phương, bộ, ngành
6. Vận dụng linh hoạt, nhanh chóng triển khai, thực hiện hiệu quả
7. Thực hiện ầy ủ các thủ tục hướng dẫn theo úng pháp luật

**Câu 69. Tận dụng khả năng của công nghiệp quốc phòng trong thời bình ể sản xuất hàng hóa dân sự phục vụ dân sinh và xuất khầu là thực hiện sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong thực hiện nhiệm vụ:**

1. Chiến lược bảo vệ Tổ quốc
2. Xây dựng CNXH
3. Chiến lược xây dựng ất nước
4. Xây dựng và bảo vệ quốc gia

**Câu 70. Đối với các vùng kinh tế trọng iểm việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường QPAN cần thực hiện sự gắn kết xây dựng lực lượng QPAN, các tổ chức chính trị, oàn thể trong quá trình:**

1. Xây dựng các khu công nghiệp tập trung
2. Quy hoạch các khu ô thị công nghiệp
3. Xây dựng các khu dân cư tập trung
4. Quy hoạch ặc khu kinh tế, xã hội

**Câu 71. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ối với vùng rừng núi biên giới cần phải:**

1. Xây dựng các xã trọng iểm về kinh tế, quốc phòng, an ninh
2. Tập trung phát triển mạnh về kinh tế, văn hóa, bảo vệ quốc phòng
3. Xây dựng các xã trọng tâm về kinh tế, xã hội, an toàn an ninh
4. Phát triển ồng ều cả ba mặt kinh tế, quốc phòng, an ninh

**Câu 72. Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở vùng biển ảo là:**

1. Đầu tư chương trình ánh bắt xa bờ
2. Phát triển chương trình ánh bắt vùng ảo
3. Đầu tư chương trình ánh bắt vùng vịnh
4. Phát triển các chương trình ánh bắt hải sản

**Câu 73. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN trong giao thông vận tải cần quan tâm:**

1. Xây dựng các tuyến ường vành ai biên giới
2. Phát triển mạng lưới giao thông hiện ại
3. Xây dựng các tuyến ường ngang, dọc biển ảo D. Phát triển ồng bộ hệ thống giao thông biên giới

**Câu 74. Để kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN, chúng ta phải thực hiện giải pháp:**

1. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp cho các ối tượng
2. Tuyên truyền, ộng viên, kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân tự giác thực hiện
3. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm cho cán bộ các cấp ở cơ sở
4. Phổ biến kiến thức, tuyên truyền vận ộng mọi cấp, mọi ngành tham gia

# BÀI 7 (70 Câu)

**Câu 1. Trong lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn bị các thế lực ngoại xâm nhòm ngó, xâm lược vì Việt Nam có:**

1. Vị trí ịa lý thuận lợi
2. Nhiều loại khoáng sản
3. Nhiều phong cảnh ẹp
4. Truyền thống quý báu

**Câu 2. An Dương Vương thành lập nhà nước Âu Lạc, ã dời ô về:**

1. Cổ Loa
2. Hoa Lư
3. Thăng Long
4. Lam Sơn

**Câu 3. Một trong những cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam là:**

1. Truyền thống ánh giặc của tổ tiên
2. Nghệ thuật quân sự của các nước láng giềng
3. Đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lênin
4. Kinh nghiệm các cuộc chiến tranh trong khu vực **Câu 4. Chiến dịch nào sau ây là chiến dịch phản công?**
5. Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông 1947
6. Chiến dịch Quảng Trị 1972
7. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954
8. Chiến dịch Tây Nguyên 1975

**Câu 5. Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên của nhà Trần vào những năm nào?**

1. 1258, 1285 và 1287 - 1288
2. 1058, 1075 và 1285 - 1286
3. 1414, 1418 và 1284 - 1285
4. 1256, 1284 và 1286 - 1287

**Câu 6. Đảng ta ã chỉ ạo tiến hành chiến tranh với tinh thần:**

A. Tự lực cánh sinh, ánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính B. Tự lực tự cường và dựa vào bạn bè, kiên trì ánh lâu dài

1. Tự lực cánh sinh, ánh lâu dài, dựa vào sức mạnh thời ại
2. Dựa vào sức mình, tự lực tự cường, ánh chắc thắng

**Câu 7. Cuộc khởi nghĩa ã chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên ộc lập, tự chủ là cuộc khởi nghĩa của:**

1. Ngô Quyền năm 938
2. Hai Bà Trưng năm 40
3. Lý Bôn năm 542
4. Mai Thúc Loan năm722

**Câu 8. Trong nghệ thuật quân sự Việt Nam, chiến dịch ược hình thành từ thời kỳ kháng chiến:** A. Chống thực dân Pháp

1. Chống quân Mãn Thanh
2. Chống quân Nguyên - Mông
3. Chống ế quốc Mỹ

**Câu. 9. Chiến dịch Điên Biên Phủ, chúng ta ã thay ổi phương châm tác chiến chiến dịch từ:**

1. Đánh nhanh, thắng nhanh sang ánh chắc, tiến chắc
2. Đánh nhanh, thắng nhanh sang ánh chậm, tiến chắc
3. Đánh chậm, tiến chắc sang ánh nhanh, tiến chắc
4. Đánh nhanh, tiến chắc sang ánh chắc, thắng chắc **Câu 10. “*Địa lý, kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội*” là các yếu tố tác ộng hình thành:**
5. Nghệ thuật ánh giặc giữ nước của tổ tiên ta
6. Nghệ thuật quân sự giữ nước của ông cha ta
7. Nghệ thuật bảo vệ ất nước của tổ tiên ta D. Nghệ thuật dựng nước và giữ nước của cha ông ta

**Câu 11. Một trong những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam ược vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay là:**

1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công
2. Tích cực phòng ngự và chủ ộng phản công
3. Quán triệt tư tưởng tích cực phòng thủ
4. Tích cực tiến công kết hợp với phòng ngự

**Câu 12. Lý luận và thực tiễn về chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt ộng tác chiến tương ương là:**

1. Nghệ thuật chiến dịch
2. Nghệ thuật chiến ấu
3. Nghệ thuật ánh giặc
4. Nghệ thuật tác chiến

**Câu 13. Để bảo vệ ược ộc lập, cuộc sống và nền văn hóa của mình, ông cha ta chỉ có con ường duy nhất là:**

1. Đoàn kết ứng lên ánh giặc, giữ nước
2. Phất cờ khởi nghĩa ánh giặc ngoại xâm
3. Đoàn kết tướng sỹ, ứng lên ánh giặc
4. Kêu gọi nhân dân, phất cờ khởi nghĩa

**Câu 14. Triều ại phong kiến ã tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai giành thắng lợi:**

1. Nhà Lý
2. Nhà Lê
3. Nhà Trần
4. Nhà Hồ

**Câu 15. Chiến dịch giành thắng lợi, kết thúc chiến tranh chống Pháp là:**

1. Chiến dịch Điện Biên Phủ
2. Chiến dịch Biên giới
3. Chiến dịch Đông xuân
4. Chiến dịch Tây Bắc

**Câu 16. Khởi nghĩa của Hai Bà Trưng diễn ra vào:**

1. Mùa xuân năm 40 sau Công nguyên
2. Mùa xuân năm 40 trước Công nguyên
3. Mùa hè năm 40 sau Công nguyên
4. Mùa hè năm 40 trước Công nguyên

**Câu 17. Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất thắng lợi do Triều ại phong kiến:**

1. Nhà Tiền Lê tiến hành
2. Nhà Lý tiến hành
3. Nhà Đinh tiến hành
4. Nhà Hồ tiến hành

**Câu 18. Lý Thái Tổ ã ban chiếu dời ô từ Hoa Lư vế Thăng Long vào:** A. Năm 1010

1. Năm 1110
2. Năm 1012
3. Năm 1210

**Câu 19. Nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân ánh giặc ở nước ta có từ thời:** A. Tổ tiên ta ánh giặc B. Chống giặc Nguyên

1. Chống giặc Minh
2. Chống giặc Thanh

**Câu 20. Hội nghị Diên Hồng xây dựng quyết tâm của dân tộc ta chống lại xâm lược của:**

1. Quân Nguyên - Mông
2. Quân Tống
3. Quân Mãn Thanh
4. Quân Minh

**Câu 21. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 ối tượng tác chiến của dân tộc ta là:** A. Quân ội Pháp

1. Quân ội Anh
2. Quân ội Ấn Độ
3. Quân ội Nhật

**Câu 22. *“Mở ầu và kết thúc chiến tranh úng lúc”* là một trong những nội dung của:**

1. Chiến lược quân sự
2. Chiến dịch quân sự
3. Nghệ thuật chiến dịch
4. Nghệ thuật chiến lược

**Câu 23. Đảng ta ã từng có một tư duy và nhận ịnh chính xác trong ánh giá kẻ thù:**

1. Mỹ giàu nhưng không mạnh
2. Mỹ rất giàu và rất mạnh
3. Mỹ tuy giàu nhưng rất yếu
4. Mỹ không giàu nhưng rất mạnh

**Câu 24. Một trong những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự ược vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới là:**

1. Nghệ thuật quân sự toàn dân ánh giặc
2. Nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân
3. Nghệ thuật quân sự ánh giặc toàn diện

D.Nghệ thuật quân sự cả nước ánh giặc

**Câu 25. Trận ánh iển hình về kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công trên cả quy mô chiến lược và chiến dịch thời nhà Lý chống quân Tống là:**

1. Trận phòng ngự Như Nguyệt
2. Trận phản công Chi Lăng
3. Trận phản công Ngọc Hồi
4. Trận phòng ngự Đống Đa

**Câu 26. Chiến dịch phòng ngự của nghệ thuật quân sự Việt Nam ược hình thành trong kháng chiến**:

A. Chống ế quốc Mỹ B. Chống quân Nguyên

1. Chống thực dân Pháp
2. Chống quân Tống

**Câu 27. Cuộc kháng chiến chống quân Minh do nhà Hồ lãnh ạo thất bại là do:** A. Nhà Hồ ã qúa thiên về phòng thủ, không phát ộng ược toàn dân ánh giặc

1. Nhà Hồ quá thiên về tiến công, không lo phòng thủ từ xa.
2. Nhà Hồ ã tích cực tiến công nhưng quân Minh quá mạnh
3. Nhà Hồ ã chủ quan, không ề phòng cẩn mật, không phản công kịp thời **Câu 28. Nét ặc sắc và tất yếu trong nghệ thuật ánh giặc của ông cha ta là:**
4. Lấy nhỏ ánh lớn, lấy ít ịch nhiều, lấy yếu chống mạnh
5. Lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít ánh nhiều, lấy yếu chống mạnh
6. Lấy nhỏ ánh lớn, lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh
7. Lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều, lấy yếu chống mạnh

**Câu 29. Trong kháng chiến chống quân Tống lần thứ hai, Lý Thường Kiệt sử dụng kế sách “tiên phát chế nhân” nghĩa là:**

1. Chủ ộng tiến công trước, ẩy kẻ thù vào thế bị ộng
2. Chuẩn bị chu áo chặn ánh kẻ thù khi mới xâm lược
3. Chuẩn bị thế trận phòng thủ, ẩy ích vào thế bị ộng
4. Chuẩn bị ầy ủ, chu áo ể giành thế chủ ộng ánh ịch **Câu 30. Nghệ thuật ánh giặc giữ nước của ông cha ta luôn thể hiện:**
5. Lấy thế thắng lực
6. Lấy kế thắng lực
7. Lấy mưu thắng lực
8. Lấy chí thắng lực

**Câu 31. Một trong những nghệ thuật ánh giặc của ông cha ta là:**

1. Kết hợp ấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận
2. Kết hợp ấu tranh giữa các mặt trận, các chiến trường và chính sách ngoại giao
3. Kết hợp ấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và dân vận
4. Kết hợp ấu tranh giữa các mặt trận quân sự, kinh tế, ngoại thương và binh vận **Câu 32. Tư tưởng chỉ ạo tác chiến trong chiến tranh giữ nước của ông cha ta là:** A. Nắm vững tư tưởng tiến công
5. Nắm vững tư tưởng phòng ngự
6. Nắm vững tưởng phòng thủ
7. Nắm vững tư tưởng chiến thắng

**Câu 33. Trong nghệ thuật kết hợp ấu tranh giữa các mặt trận thì mặt trận chính trị là:**

1. Cơ sở ể tạo ra sức mạnh quân sự
2. Mặt trận quyết ịnh thắng lợi của chiến tranh
3. Cơ sở ể tạo sức mạnh trên khắp cả nước
4. Mặt trận chủ yếu ể phân hóa, cô lập kẻ thù

**Câu 34. Trong nghệ thuật kết hợp ấu tranh giữa các mặt trận thì mặt trận quân sự là mặt trận:**

1. Quyết ịnh thắng lợi trực tiếp của chiến tranh
2. Quyết ịnh sức mạnh chính trị tinh thần
3. Chủ yếu ể vận ộng làm tan rã hàng ngũ ịch
4. Chủ yếu ể phân hóa, cô lập kẻ thù

**Câu 35. Nội dung chủ yếu của chiến lược quân sự Việt Nam trước tiên phải:**

1. Xác ịnh úng kẻ thù, úng ối tượng tác chiến
2. Xác ịnh úng bạn bè, úng ối tác chiến lược
3. Xác ịnh úng kẻ thù, úng âm mưu thủ oạn
4. Xác ịnh úng lực lượng, úng vũ khí phương tiện

**Câu 36. Quy luật của chiến tranh là mạnh ược, yếu thua, nhưng ông cha ta ã sớm xác ịnh úng về sức mạnh chiến tranh, ó là:**

1. Sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố
2. Đông quân thì thắng, ít quân thì thua
3. Vũ khí hiện ại thì thắng, thô sơ thì thua
4. Đoàn kết thì thắng, không oàn kết thì thua

**Câu 37. Tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược ược hoạch ịnh ể ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh thắng lợi là:**

1. Chiến lược quân sự
2. Nghệ thuật bảo vệ Tổ quốc
3. Nghệ thuật quân sự
4. Chiến lược bảo vệ Tổ quốc

**Câu 38. Nước ta rơi vào thảm họa nghìn năm Bắc thuộc sau cuộc kháng chiến chống xâm lược thất bại của:**

1. An Dương Vương chống Triệu Đà
2. Vua Hùng và vua Thục Phán chống quân Tần
3. Nhà Tiền Lê chống quân Tống lần thứ nhất
4. Hai Bà Trưng chống quân Đông Hán

**Câu 39. Lý luận và thực tiễn về tổ chức và thực hành chiến ấu của phân ội, binh ội, binh oàn lực lượng vũ trang là:**

1. Chiến thuật
2. Chiến ấu
3. Chiến dịch D. Chiền tranh

**Câu 40*. “Chiến tranh nhân dân kết hợp giữa ịa phương với các binh oàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công ịch bằng hai lực lượng, bằng ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược”* là nội dung của:**

1. Phương thức tiến hành chiến tranh
2. Phương pháp tác chiến chiến lược
3. Phương thức tác chiến chiến dịch
4. Phương pháp tiến hành chiến ấu

**Câu 41. *“Tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân ánh giặc, ánh giặc toàn diện trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao…”*, ó là nội dung chỉ ạo của Đảng ta về:**

1. Phương châm tiến hành chiến tranh
2. Phương pháp tiến hành chiến tranh
3. Phương thức tiến hành chiến tranh
4. Phương án tiến hành chiến tranh

**Câu 42. “*Xác ịnh úng kẻ thù, úng ối tượng tác chiến”* là nội dung của:**

1. Chiến lược quân sự
2. Yêu cầu của chiến tranh
3. Chiến dich quân sự
4. Chỉ ạo chiến tranh

**Câu 43. *“Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế”* là một trong những nội dung của:**

1. Bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự
2. Bài học kinh nghiệm tiến hành chiến tranh
3. Bài học kinh nghiệm giải phóng dân tộc
4. Bài học kinh nghiệm tạo sức mạnh quân sự

**Câu 44. Mưu kế ánh giặc của ông cha ta ã biến cả nước thành một chiến trường, tạo ra:**

1. Một thiên la, ịa võng ể diệt ịch
2. Những thế trận ể ánh bại quân ịch
3. Một thiên thời, ịa lợi ể ánh ịch
4. Những khu vực diệt ịch hiệu quả

**Câu 45. Tiến hành chiến tranh toàn diện, tất cả các mặt trận ấu tranh phải kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau và tạo iều kiện cho:**

1. Đấu tranh quân sự giành thắng lợi trên chiến trường
2. Mặt trận chính trị giành thắng lợi về ý chí tinh thần
3. Đấu tranh ngoại giao giành thắng lôi trên trường quốc tế
4. Mặt trận tư tưởng giành thắng lợi về ý chí quyết tâm

**Câu 46. Tiến hành chiến tranh toàn diện, mặt trận nhằm cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân, quy tụ sức mạnh oàn kết dân tộc, cơ sở tạo ra sức mạnh quân sự là:**

1. Mặt trận chính trị
2. Mặt trận ngoại giao
3. Mặt trận binh vận
4. Mặt trận tuyên truyền

**Câu 47. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là loại hình:**

1. Chiến ịch tiến công
2. Chiến dịch phản công
3. Chiến dịch tổng hợp
4. Chiến dịch phòng ngự

**Câu 48. Nghệ thuật chiến dịch là bộ phận hợp thành của nghệ huật quân sự, khâu nối liền:**

1. Giữa chiến lược quân sự và chiến thuật
2. Với các hoạt ộng quân sự và chính trị
3. Giữa tiến công quân sự và nổi dậy
4. Với các hoạt ộng tác chiến và binh vận

**Câu 49. Tiến hành chiến tranh toàn diện, mặt trận có vị trí quan trọng, ề cao tính chính nghĩa của nhân dân ta, phân hóa, cô lập kẻ thù, tạo thế có lợi cho cuộc chiến là:**

1. Mặt trận ngoại giao
2. Mặt trận chính trị
3. Mặt trận văn hóa
4. Mặt trận tư tưởng

**Câu 50. Các yếu tố tác ộng hình thành nghệ thuật ánh giặc của ông cha ta:**

1. Địa lý, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội
2. Địa lý, chính trị ặc thù của ất nước ta
3. Đặc iểm thuận lợi về kinh tế, ịa lý
4. Điều kiện ịa lý tự nhiên và văn hóa dân tộc

**Câu 51. Chiến dịch Biên giới năm 1950 trong kháng chiến chống Pháp là loại hình:**

1. Chiến dịch tiến công
2. Chiến dịch phản công
3. Chiến dịch phòng ngự
4. Chiến dịch tổng hợp

**Câu 52. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng:**

1. Truyền thống ánh giặc của ông cha, Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh
2. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, vị trí ịa lý thuận lợi, kinh tế, văn hóa phát triển
3. Truyền thống oàn kết, kiên cường bất khuất của ông cha, Chủ nghĩa Mác-Lênin
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa Mác-Lênin, kinh nghiệm chiến tranh thế giới

**Câu 53. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc kháng chiến chống Mỹ và cũng là ỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam là loại hình:**

1. Chiến dịch tiến công
2. Chiến dịch phản công
3. Chiến dịch phòng ngự D. Chiến dịch tổng hợp

**Câu 54. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ở những giai oạn ầu, các chiến dịch diễn ra chủ yếu ở rừng núi, nhưng giai oạn cuối ã:**

1. Diễn ra trên tất cả các ịa hình
2. Diễn ra ở các vùng ồng bằng
3. Được tiến hành ở thành phố
4. Được thực hiện tất cả các vùng

**Câu 55. Ngày xưa, hễ kẻ thù ụng ến nước ta thì “vua tôi ồng lòng, anh em hòa mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh” giữ vững quê hương, iều ó thể hiện rõ ông cha ta ã thực hiện:**

1. Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân ánh giặc
2. Tinh thần oàn kết, cả nước một lòng chống giặc ngoại xâm
3. Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, kêu gọi toàn dân ánh giặc
4. Nghệ thuật xây dựng lực lượng tiến hành chiến tranh nhân dân

**Câu 56. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, ây là thời iểm không thể lùi ược nữa, thời iểm:**

1. Mở ầu chiến tranh chống Pháp
2. Kêu gọi cả nước cùng ra trận
3. Mở ầu cuộc trường chinh
4. Toàn quốc ứng lên cầm súng

**Câu 57. “*Chiến tranh nhân dân kết hợp giữa ịa phương với các binh oàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công ịch bằng hai lực lượng chính trị, quân sự”,* là nội dung của:**

1. Phương thức tiến hành chiến tranh
2. Tư tưởng tiến hành chiến tranh
3. Phương châm tiến hành chiến tranh
4. Phương pháp tiến hành chiến tranh

**Câu 58. Một nội dung của chiến lược quân sự mang tính nghệ thuật cao trong chỉ ạo chiến tranh của Đảng ta:**

1. Mở ầu và kết thúc chiến tranh úng lúc
2. Đánh chắc thắng trận mở ầu chiến dịch
3. Vận dụng các hình thức chiến thuật hợp lý
4. Phát triển cách ánh hiệp ồng binh chủng

**Câu 59. Trong phương thức tiến hành chiến tranh, Đảng ta ã chỉ ạo:**

A. Tiến công ịch bằng hai lực lượng, bằng ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược B. Tiến công ịch bằng ba lực lượng, bằng hai mũi giáp công, trên cả các vùng chiến lược

1. Tiến công ịch bằng hai lực lượng, bằng bốn mũi giáp công, trên năm vùng chiến lược
2. Tiến công ịch bắng ba lực lượng, bằng ba mũi giáp công, trên cả bốn vùng chiến lược **Câu 60. Thời kỳ ầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, các hình thức chiến thuật thường vận dụng là:**
3. Tập kích, phục kích, vận ộng tiến công
4. Phản công, phòng ngự, tập kích
5. Vận ộng tiến công, tập kích ánh úp
6. Phòng ngự, phục kích, phản kích

**Câu 61. Một trong những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam ược vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới là:**

1. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt ịch với bảo vệ vững chắc mục tiêu
2. Tích cực phòng ngự, tiêu diệt ịch, ánh bại ịch tiến công
3. Kết hợp công kích tiêu diệt ịch với bảo vệ vững chắc mục tiêu
4. Tích cực phòng thủ, ngăn chặn tiêu diệt ịch, bảo vệ mục tiêu

**Câu 62. Trong chiến lược quân sự, Đảng ta ã chỉ ạo phương thức tiến hành chiến tranh là:**

1. Chiến tranh nhân dân kết hợp giữa ịa phương với các binh oàn chủ lực
2. Chiến tranh nhân dân ịa phương với các binh oàn chủ lực cơ ộng
3. Kết hợp tác chiến của bộ ội chủ lực với các hoạt ộng của ịa phương
4. Kết hợp chiến tranh du kích ịa phương với tác chiến của bộ ội chủ lực

**Câu 63. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược của Triệu Đà do An Dương Vương lãnh ạo thất bại vào những năm:**

1. 184 ến 179 trước công nguyên
2. 194 ến 197 trước công nguyên
3. 184 ến 179 sau công nguyên
4. 194 ến 197 sau công nguyên

**Câu 64. Kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh của triều ại Tây Sơn vào những năm:**

1. 1788 - 1789
2. 1784 - 1785
3. 1878 - 1879
4. 1786 - 1788

**Câu 65. Chiến thuật hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử xây dựng, chiến ấu và trưởng thành của quân ội ta, sự phát triển ó là kết quả chỉ ạo của:**

1. Chiến lược, chiến dịch
2. Đảng, Nhà nước
3. Nhà nước, Bộ Quốc phòng D. Đường lối chiến tranh

**Câu 66. Giai oạn cuối của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, các hình thức chiến thuật mới xuất hiện là:**

1. Phòng ngự, truy kích, ánh ịch ổ bộ ường không
2. Phục kích, tập kích, vận ộng tiến công ịch ngoài công sự
3. Tập kích, tiến công cứ iểm, bao vây kết hợp phòng ngự
4. Phòng ngự, vận ộng tiến công kết hợp chốt giữ mục tiêu

**Câu 67. Do yêu cầu của chiến lược và chiến dịch, là phải giữ vững vùng giải phóng nên chiến thuật phòng ngự xuất hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ vào:**

1. Giai oạn cuối
2. Giai oạn ầu
3. Giai oạn giữa
4. Giai oạn kết thúc

**Câu 68. *“Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm, ông cha ta ã ánh giá úng kẻ thù, chủ ộng ề ra kế sách ánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng kháng chiến, tìm mọi biện pháp làm cho ịch suy yếu, tạo ra thế và thời cơ có lợi ể tiến hành phản công và tiến công*”, tư tưởng ó thể hiện ông cha ta luôn:**

1. Nắm vững tư tưởng tiến công
2. Giành quyền tích cực, chủ ông
3. Nắm vững tư tưởng phản công
4. Giành quyền tiến công, phản công

**Câu 69. Trong nghệ thuật quân sự Việt Nam, một chiến dịch thường diễn ra:**

1. Nhiều trận ánh, có trận ánh then chốt
2. Chỉ một trận then chốt quyết ịnh
3. Nhiều trận ánh cùng diễn ra ồng thời
4. Nhiều trận ánh, có trận ánh quyết ịnh

**Câu 70. Nội dung của chiến thuật là vận dụng các hình thức chiến thuật:**

1. Vào trong các trận chiến ấu
2. Thực hiện trong các chiến dịch
3. Vào các iều kiện tình hình ịch
4. Tiến hành hoạt ộng tác chiến

**BÀI 8 (60 Câu) Câu 1. Lãnh thổ quốc gia là:**

1. Phạm vi không gian ược giới hạn bởi biên giới quốc gia
2. Phạm vi không gian của vùng ất, vùng trời và vùng biển quốc gia
3. Phạm vi giới hạn thuộc chủ quyền hoàn toàn và ầy ủ của quốc gia
4. Phạm vi giới hạn một phần của trái ất thuộc chủ quyền quốc gia **Câu 2. Lãnh hải của Việt Nam là vùng biển:**
5. Có chiều rộng 12 hải lý tính từ ường cơ sở
6. Nằm tiếp liền với vùng tiếp giáp lãnh hải
7. Có chiều rộng 12 hải lý tính từ ường biên giới
8. Nằm ngoài nội thủy của có chiều rộng 24 hải lý **Câu 3. Nội thủy của lãnh thổ quốc gia là vùng biển:**
9. Nằm ở phía trong ường cơ sở
10. Được giới hạn bởi bờ biển và lãnh hải
11. Thuộc lãnh hải và tiếp giáp lãnh hải
12. Được giới hạn bởi ường biên giới trên biển

**Câu 4. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là một nội dung của xây dựng và bảo vệ chủ quyền:** A. Lãnh thổ quốc gia

1. Biên giới quốc gia
2. Dân tộc thống nhất
3. Độc lập dân tộc

**Câu 5. Biên giới quốc gia Việt Nam trên ất liền là ường phân ịnh:**

1. Lãnh thổ trên bề mặt ất liền của vùng ất quốc gia Việt Nam
2. Phạm vi vùng ất quốc gia Việt Nam với quốc gia khác
3. Ranh giới lãnh thổ quốc gia Việt Nam với quốc gia khác
4. Phạm vi lãnh thổ quốc gia Việt Nam với quốc gia khác **Câu 6. Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia:**
5. Trên ất liền, trên không, trên biển và trong lòng ất
6. Trong ất liền , trên biển và trên lãnh thổ quốc gia ặc biệt
7. Trên mặt ất, trong lòng ất, trên mặt biển và dưới lòng ất
8. Trong lòng ất, trên ất liền, trên các ảo và các quần ảo .

**Câu 7. Vùng ặc quyền kinh tế của Việt Nam là vùng biển có chiều rộng:**

1. 200 hải lý tính từ ường cơ sở
2. 350 hải lý tính từ lãnh hải
3. 200 hải lý tính từ biên giới trên biển
4. 350 hải lý tính từ ường cơ sở **Câu 8: Nội thủy và lãnh hải là:**
5. Lãnh thổ của quốc gia trên biển
6. Lãnh ịa của quốc gia trên biển
7. Lãnh hải của quốc gia trên biển
8. Lãnh vực của quốc gia trên biển

**Câu 9: Tiếp giáp lãnh hải, ặc quyền kinh tế, thềm lục ịa là ba vùng biển thuộc:**

1. Quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia
2. Quyền làm chủ và quyền phán xét của quốc gia
3. Chủ quyền và quyền phán quyết của quốc gia
4. Quyền quản lý và quyền tài phán của quốc gia **Câu 10. Quần ảo Hoàng Sa là huyện ảo thuộc:**
5. Thành Phố Đà Nẵng
6. Tỉnh Quảng Nam C. Tỉnh Quảng Ngãi

D. Tỉnh Khánh Hòa

**Câu 11. Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam là ranh giới phía ngoài của:**

1. Lãnh hải Việt Nam
2. Vùng tiếp giáp lãnh hải
3. Vùng ặc quyền kinh tế
4. Vùng thềm lục ịa Việt Nam

**Câu 12. Vùng nước nội thủy của Việt Nam có chế ộ pháp lý như:**

1. Lãnh thổ trên ất liền
2. Các vùng biển khác
3. Lãnh hải trên biển
4. Vùng thềm lục ịa

**Câu 13. Vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam là:**

1. Vùng nội thủy và vùng lãnh hải
2. Vùng lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải
3. Vùng nội thủy và vùng ặc quyền kinh tế
4. Vùng lãnh hải và vùng thềm lục ịa

**Câu 14. Biên giới quốc gia Việt Nam trên ất liền ược ánh dấu bằng:**

1. Hệ thống các mốc quốc giới trên thực ịa
2. Hệ thống các tọa ộ trên bản ồ quốc gia
3. Các thỏa thuận với các nước láng giềng
4. Các hiệp ước với các quốc gia liền kề

**Câu 15. Lực lượng nòng cốt trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là:**

A. Lực lượng vũ trang B. Lực lượng quân ội

1. Lực lượng an ninh
2. Lực lượng dân quân

**Câu 16. Vùng biển thuộc quyền chủ quyền Việt Nam là:**

1. Vùng ặc quyền kinh tế, vùng thềm lục ịa
2. Vùng nội thủy ến vùng tiếp giáp lãnh hải
3. Vùng thềm lục ịa, vùng tiếp giáp lãnh hải
4. Vùng nước ngoài lãnh thổ trên biển **Câu 17. Đảo Phú Quý thuộc ịa phận tỉnh:**
5. Bình Thuận
6. Ninh Thuận
7. Bà Rịa - Vũng Tàu
8. Kiên Giang

**Câu 18. Lực lượng chuyên trách và làm nòng cốt trong bảo vệ biên giới quốc gia là:**

A. Bộ ội biên phòng B. Bộ ội ịa phương

1. Dân quân tự vệ
2. Bộ ội chủ lực

**Câu 19. Biên giới quốc gia của Việt Nam trong lòng ất ược xác ịnh bằng:**

1. Mặt phẳng thẳng ứng theo lãnh thổ quốc gia Việt Nam cắm sâu vào lòng ất
2. Đường thẳng ứng theo biên giới Việt Nam trên ất liền cắm sâu vào lòng ất
3. Hệ thống tọa ộ trên bản ồ lãnh thổ quốc gia Việt Nam
4. Hệ thống mặt phẳng thẳng ứng theo lãnh thổ Việt Nam

**Câu 20. Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam ược hoạch ịnh và:** A. Đánh dấu bằng các tọa ộ trên hải ồ

1. Ghi chú bằng các tọa ộ trên hải ồ
2. Đánh dấu bằng các tọa ộ trên bản ồ
3. Chú thích bằng các tọa ộ trên bản ồ

**Câu 21. Một trong những quan iểm của Đảng về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là:**

A. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. B. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một bộ phận rất quan trọng của cách mạng Việt Nam

1. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản nhất cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ

Tổ quốc

1. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là nội dung chủ yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Câu 22. Quần ảo Trường Sa là huyện ảo thuộc tỉnh:**

1. Khánh Hòa
2. Phú Yên
3. Quảng Ngãi
4. Bà Rịa - Vũng Tàu

**Câu 23: Bảo vệ chủ quyền biển ảo quốc gia là:**

1. Sử dụng tổng hợp các Lực lượng và biện pháp chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức
2. Sử dụng các lực lượng và các biện pháp làm thất bạimọi âm mưu, thủ oạn thôn tính của kẻ thù C. Sử dụng tổng hợp các lực lượng vũ trang ánh bại mọi hành ộng phá hoại, xâm lược của kẻ thù

D. Sử dụng mọi lực lượng, phương tiện, ấu tranh toàn diện chống lại mọi kẻ thù xâm lược **Câu 24: Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, ảo quốc gia là:**

1. Hoàn thiện thiết chế quản lý, bảo vệ lợi ích quốc gia trên biển, ảo
2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ biển, ảo
3. Hoàn thiện cơ chế quản lý, kết hợp với quốc phòng - an ninh
4. Kết hợp phát triển kinh tế với ấu tranh bảo vệ lợi ích trên biển, ảo **Câu 25: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, ảo quốc gia là phải:**
5. Tăng cường và củng cố QP, AN bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, ảo
6. Bảo vệ Đảng, bảo vệ chế ộ XHCN và bảo vệ ND trên các vùng biển, hải ảo
7. Tăng cường lực lượng bảo vệ sự nghiệp ổi mới, CNH, HĐH trên biển, ảo
8. Bảo vệ thống nhất biển, ảo, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với ối ngoại trên biển **Câu 26: Làm tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, ảo quốc gia là:**
9. Trực tiếp góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa
10. Trực tiếp bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế ộ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
11. Thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam
12. Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường QP, AN **Câu 27. Khu vực biên giới trên ất liền của Việt Nam gồm:**
13. Các xã, phường, thị trấn có một phần ịa giới hành chính trùng với biên giới quốc gia trên ất liền
14. Các xã, phường, thị trấn có ịa giới hành chính tiếp giáp với ường biên giới quốc gia trên ất liền
15. Khu vực thuộc các xã, phường, thị trấn có chiều rộng 10 km tính từ ường biên giới quốc gia trên ất liền
16. Khu vực các xã, phường, thị trấn có ịa giới hành chính nằm liền kề ường biên giới quốc gia trên ất liền

**Câu 28. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là:**

1. Thực hiện tổng thể các biện pháp ể bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới
2. Thực hiện tổng thể các giải pháp một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của ời sống xã hội trên khu vực biên giới
3. Thực hiện tổng thể các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên tất cả mọi lĩnh vực trên khu vực biên giới
4. Thực hiện tổng thể mọi hoạt ộng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, ối ngoại, quốc phòng, an ninh trên khu vực biên giới **Câu 29. Biên giới quốc gia của Việt Nam là:**
5. Đường và mặt phẳng thẳng ứng
6. Đường và mặt phẳng nằm ngang
7. Hệ thống các tọa ộ ược xác ịnh
8. Hệ thống các ường và mặt phẳng

**Câu 30. Theo Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa XHCN Việt nam thì *“xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới”* là:**

1. Sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý
2. Sự nghiệp của cả ất nước do Đảng thống nhất lãnh ạo
3. Sự nghiệp của cả dân tộc do nhân dân thống nhất làm chủ
4. Sự nghiệp của cả hệ thống chính trị do Nhà nước quản lý

**Câu 31. Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là tăng cường:**

1. Mở rộng quan hệ ối ngoại các cấp trên khu vực biên giới
2. Hợp tác với các nước trên thế giới vì hòa bình ,ổn ịnh và phát triển
3. Mở rộng phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh với các nước láng giềng
4. Hợp tác chiến lược, ổn ịnh lâu dài với các nước láng giềng **Câu 32. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là phải:**
5. Phối hợp với các nước ấu tranh ngăn chặn mọi hành ộng phá hoại tình oàn kết, hữu nghị.
6. Phối hợp với các nước ngăn chặn mọi âm mưu gây bạo loạn lật ổ của kẻ thù
7. Phối hợp chặt chẽ giữa chống giặc ngoài và dẹp thù trong ể bảo vệ vững chắc Tổ quốc
8. Phối hợp ấu tranh quân sự với bảo ảm an ninh chính trị-trật tự an toàn xã hội.

**Câu 33. Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là:**

1. Bảo vệ an ninh quốc gia trên khu vực biên giới
2. Bảo vệ an ninh các cột mốc biên giới
3. Bảo vệ an ninh các cửa khẩu biên giới
4. Bảo vệ an ninh các ồn Biên phòng trên biên giới

**Câu 34. *“ Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý”* ược quy ịnh trong:**

1. Luật Biên giới
2. Luật Quốc phòng
3. Luật Nghĩa vụ quân sự D. Luật Công An

**Câu 35. *“ Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới”* là một trong những nội dung của:**

1. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia
2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia
3. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
4. Xây dựng và bảo vệ khu vực biên giới

**Câu 36. *“Bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường”* là một trong những nội dung của:**

1. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia
2. Xây dựng và bảo vệ khu vực biên giới
3. Xây dựng và bảo vệ lãnh thổ quốc gia
4. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền dân tộc

**Câu 37. Sinh viên cần nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia ể:**

A. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân B. Xây dựng ý thức, trách nhiệm sinh viên

1. Nâng cao hiểu biết về mọi mặt
2. Xây dựng ý chí quyết tâm học tập tốt

**Câu 38. Khu vực có chiều rộng 10 km tính từ biên giới quốc gia vào phía trong lãnh thổ là:**

1. Khu vực biên giới trên không
2. Khu vực biên giới trên bộ
3. Vùng biên giới trên biển
4. Vùng biên giới trên ất liền

**Câu 39: “*Củng cố, tăng cường quan hệ quốc tế, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi hỗ trợ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, ảo”* là một trong những nội dung của:**

A. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, ảo quốc gia

C. Xây dựng phát triển biển, ảo vững mạnh toàn diện

B. Quan hệ ối ngoại trong bảo vệ chủ quyền biển, ảo

D. Quan hệ quốc tế ể xây dựng và bảo vệ biển, ảo **Câu 40: Biển, ảo quốc gia Việt Nam là:**

1. Một bộ phận thiêng liêng của lãnh thổ quốc gia Việt Nam
2. Phạm vi không gian của vùng biển quốc gia Việt nam
3. Một thực thể quan trọng của quốc gia Việt Nam
4. Một bộ phận quan trọng của Nhà nước Việt Nam

**Câu 41: Vùng thềm lục ịa thuộc biển Việt Nam có chế ộ pháp lý như:**

1. Vùng ặc quyền kinh tế
2. Vùng lãnh hải
3. Vùng ất trên ảo và quần ảo D. Trên ất liền

**Câu 42: Tỉnh có một phần ịa giới hành chính trùng với ường biên giới Việt Nam - Trung Quốc là:** A. Cao bằng

1. Bắc Giang
2. Hòa Bình
3. Tuyên Quang

**Câu 43. Huyện ảo Trường Sa hiện có:**

1. Thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn và xã Song Tử Tây
2. Thị trấn Trường Sa, xã Nam Yết và xã Sinh Tồn
3. Thị trấn Trường Sa, xã sinh Tồn và xã Sơn Ca
4. Thị trấn Trường Sa, xã Song Tử Tây và xã Sơn Ca

**Câu 44. Ở Việt Nam, các xã, phường, thị trấn có một phần ịa giới hành chính trùng với ường biên giới quốc gia trên ất liền, ược xác ịnh là:**

1. Khu vực biên giới trên ất liền
2. Vùng biên giới trên bộ
3. Khu vực biên giới ặc biệt
4. Vùng biên giới trên ất liền

**Câu 45. Tỉnh có một phần ịa giới hành chính trùng với ường biên giới Việt Nam - Lào là:**

1. Quảng Trị
2. Quảng Ninh
3. Bình Định
4. Quảng Ngãi

**Câu 46. Tỉnh có một phần ịa giới hành chính trùng với ường biên giới Việt Nam-Cămpuchia là:**

1. An Giang
2. Tiền Giang
3. Hâu Giang
4. Bắc Giang

**Câu 47. Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là:**

A. Thiêng liêng, bất khả xâm phạm B. Khẳng ịnh chủ quyền ất nước

1. Tối cao, bất khả xâm phạm
2. Chủ quyền, ộc lập, tự do

**Câu 48. Huyện Côn Đảo là ơn vị hành chính thuộc tỉnh:**

1. Bà Rịa - Vũng Tàu
2. Tiền Giang C. Bình Thuận D. Cần Thơ

**Câu 49. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị ổn ịnh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là:**

1. Vấn ề ặc biệt quan trọng
2. Chính sách ặc biệt quan trọng
3. Vấn ề ặc biệt quan tâm
4. Nội dung rất quan trọng

**Câu 50. Mọi công dân nước Cộng hòa XHCN Việt Nam không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, trình ộ văn hóa, nơi cư trú, phải có:**

1. Nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
2. Tinh thần dân tộc phát huy truyền thống bảo vệ lãnh thổ, biên giới quốc gia
3. Trách nhiệm với ông cha ta xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới
4. Nhiệm vụ cao cả ối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới

**Câu 51. Về vấn ề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, vì lợi ích an ninh chung của các bên hữu quan, Việt Nam sẵn sàng:**

1. Đàm phán hòa bình ể giải quyết
2. Hợp tác cùng khai thác chung
3. Đưa ra hội nghị quốc tế giải quyết
4. Đối thoại song phương ể giải quyết

**Câu 52. Đặc trưng chính trị và tính pháp lý thiết yếu của một quốc gia ộc lập, ược thể hiện trong:**

1. Hoạt ộng của các cơ quan nhà nước và trong hệ thống pháp luật quốc gia
2. Quản lý chủ quyền lãnh thổ biên giới và duy trì trật tự an toàn xã hội
3. Hoạt ộng kiểm soát của các cơ quan nhà nước theo quy ịnh quốc tế D. Duy trì mọi hoạt ộng theo khuôn khổ luật pháp nhà nước và quốc tế **Câu 53. Quan iểm xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, ổn ịnh là:**
4. Vấn ề ặc biệt quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
5. Yêu cầu chiến lược lâu dài của cách mạng Việt Nam
6. Vấn ề sống còn của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện ại hóa ất nước
7. Nội dung cốt lõi trong ường lối cách mạng Việt Nam

**Câu 54. Quan iểm của Đảng và Nhà nước ta trong giải quyết các vấn ề tranh chấp lãnh thổ, biên giới là:**

1. Thông qua àm phán hòa bình, tôn trọng ộc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính áng của nhau
2. Thông qua ối thoại ngoại giao vừa hợp tác, vừa ấu tranh và àm phán thương lượng hòa bình, bảo ảm lợi ích của nhau
3. Thông qua luật pháp quốc tế trên cơ sở thương lượng hòa bình, tôn trọng ộc lập chủ quyền và lợi ích chính áng của nhau
4. Thông qua thương lượng cấp nhà nước giữa các bên, bằng nhiều biện pháp ngoại giao thân thiện nhất là àm phán hòa bình thông qua diễn àn quốc tế

**Câu 55. Việt Nam có ường biên giới quốc gia trên ất liền dài:**

1. 4.550 km
2. 4.505 km
3. 5.450 km
4. 5405 km

**Câu 56. Việt Nam có ường biến giới tiếp giáp với Trung Quốc dài:**

1. 1.350 km
2. 1.530 km
3. 1.503 km
4. 1.305 km

**Câu 57. Việt Nam có ường biến giới tiếp giáp với Lào dài:**

A, 2.067 km

1. 2.607 km
2. 2.670 km
3. 2.076 km

**Câu 58. Việt Nam có ường biến giới tiếp giáp với Campuchia dài:**

1. 1137 km
2. 1317 km
3. 1371 km
4. 1173 km

**Câu 59. Đảo Thổ Chu thuộc ịa phận tỉnh:**

1. Kiên Giang
2. An Giang
3. Hậu Giang
4. Cà Mau

**Câu 60. Điểm cuối cùng của ường cơ sở vùng biển Việt Nam là:**

1. Đảo Cồn Cỏ
2. Đảo Lý Sơn
3. Đảo Hòn Mê
4. Đảo Bạch Long Vĩ

**BÀI 9 (70 Câu) Câu 1. Dân quân tự vệ là lực lượng:**

1. Vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác
2. Nhân dân ược vũ trang sẵn sàng chiến ấu
3. Xung kích bảo vệ và duy trì sản xuất, công tác
4. Vũ trang nòng cốt bảo vệ kinh tế và văn hóa

**Câu 2. Dân quân tự vệ ặt dưới sự chỉ ạo, chỉ huy trực tiếp của:**

1. Cơ quan quân sự ịa phương
2. Bộ quốc phòng, quân khu
3. Ủy ban nhân dân các cấp
4. Hội ồng nhân dân ịa phương

**Câu 3. Một trong những nhiệm vụ của dân quân tự vệ ược quy ịnh trong Luật Dân quân tự vệ 2009 là:**

1. Học tập chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự và diễn tập
2. Học tập quân sự, văn hóa sẵn sàng chiến ấu bảo vệ nhân dân
3. Học tập chính trị, thường xuyên luyện tập và sẵn sàng chiến ấu
4. Học tập văn hóa, chính trị, quân sự và bảo vệ an ninh trật tự **Câu 4. Dân quân tự vệ là một lực lượng:**

A. Chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc B. Quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

1. Cơ bản trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
2. Chiến lược chủ yếu trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân **Câu 5. Lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt ược tổ chức thành:**
3. Lực lượng cơ ộng và lực lượng tại chỗ
4. Lực lượng cơ ộng và lực lượng thường trực
5. Lực lượng thường trực và lực lượng dự bị D. Lực lượng cơ ộng và lực lượng dự bị

**Câu 6. Dân quân tự vệ ặt dưới sự chỉ ạo, chỉ huy thống nhất của:** A. Bộ Quốc phòng

1. Bộ chỉ huy quân sự các cấp
2. Ủy ban nhân dân các cấp
3. Hội ồng nhân dân các cấp

**Câu 7. Dân quân tự vệ ặt dưới sự quản lý, iều hành của:**

1. Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp
2. Chính phủ và Bộ chỉ huy quân sự các cấp
3. Đảng ủy và Ủy ban nhân dân các cấp
4. Chính phủ và Bộ Quốc phòng

**Câu 8. Thành phần của dân quân tự vệ gồm 2 lực lượng:**

1. Lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi
2. Lực lượng cơ ộng và lực lượng rộng rãi
3. Lực lượng quân sự và lực lượng an ninh
4. Lực lượng tại chỗ và lực lượng dự bị

**Câu 9. Đối tượng giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự trong lực lượng dân quân tự vệ là:**

1. Toàn thể cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ
2. Toàn thể cán bộ các cấp dân quân tự vệ
3. Toàn thể chiến sĩ dân quân tự vệ
4. Toàn thể ảng viên dân quân tự vệ

**Câu 10. Nói ến vị trí vai trò, thì dân quân tự vệ là lực lượng:**

1. Nòng cốt trong phong trào toàn dân ánh giặc trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc
2. Xung kích trong phong trào toàn dân sản xuất, bảo vệ Tổ quốc ở ịa phương
3. Nòng cốt trong phong trào lao ộng, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ ịa phương D. Xung kích trong phong trào chiến ấu, phục vụ chiến ấu và bảo vệ nhân dân

**Câu 11. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ hiện nay, chúng ta phải:**

1. Coi trọng chất lượng là chính
2. Chú trọng chất lượng chính trị
3. Tăng cường sức mạnh chiến ấu
4. Xây dựng vững mạnh toàn diện

**Câu 12. Quân nhân dự bị ộng viên ược ăng ký, quản lý tại:**

1. Nơi cư trú
2. Nơi công tác
3. Đơn vị dự bị ộng viên
4. Nơi tập trung ộng viên

**Câu 13. Đối tượng tạo nguồn sỹ quan dự bị:**

1. **Sỹ quan xuất ngũ**
2. Binh sỹ xuất ngũ
3. Thanh niên chuẩn bị nhập ngũ D. Dân quân tự vệ thường trực

**Câu 14. Khi tổ chức lực lượng dự bị ộng viên, sắp xếp quân nhân dự bị hạng một trước, nếu thiếu thì sắp xếp:**

1. Quân nhân dự bị hạng hai
2. Dân quân tự vệ hạng một
3. Quân nhân dự bị hạng ba D. Dân quân tự vệ cơ ộng

**Câu 15. Thực hiện nghiêm túc, ầy ủ các chế ộ, chính sách của Đảng và Nhà nước ối với lực lượng dự bị ộng viên là:**

1. Trách nhiệm của toàn xã hội
2. Thực hiện lợi ích xã hội
3. Thực hiện chính sách xã hội
4. Trách nhiệm của các ịa phương **Câu 16. Dân quân ược tổ chức ở:**
5. Xã, phường, thị trấn
6. Cơ quan, tổ chức nhà nước
7. Xã, phường, cơ quan nhà nước
8. Xã, Phường, ơn vị sự nghiệp

**Câu 17. Xây dựng lực lượng dự bị ộng viên là nhiệm vụ của:**

1. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của cả hệ thống chính trị ở nước ta
2. Lãnh ạo, chính quyền ịa phương, Bộ Quốc phòng, cả hệ thống chính trị
3. Bộ Quốc phòng, các quân khu và các ịa phương, các tổ chức quần chúng
4. Bộ Quốc phòng, các ịa phương và toàn thể các tổ chức xã hội ở nước ta **Câu 18. Độ tuổi của công dân Việt Nam tham gia lực lượng dân quân tự vệ là:**
5. Nam từ ủ 18 tuổi ến hết 45 tuổi, nữ từ ủ 18 tuổi ến hết 40 tuổi
6. Nam từ ủ 20 tuổi ến hết 45 tuổi, nữ từ ủ 18 tuổi ến hết 40 tuổi
7. Nam từ ủ 18 tuổi ến hết 50 tuổi, nữ từ ủ 20 tuổi ến hết 45 tuổi
8. Nam từ ủ 20 tuổi ến hết 45 tuổi, nữ từ ủ 20 tuổi ến hết 40 tuổi

**Câu 19. Một trong những quan iểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị ộng viên là:**

1. Phát huy sức mạnh của các bộ, ngành và ịa phương
2. Phát huy sức mạnh của toàn dân trên tất cả các lĩnh vực hoạt ộng xã hội
3. Xây dựng lực lượng dự bị ộng viên hùng mạnh, sẵn sàng chiến ấu cao
4. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị ở ịa phương **Câu 20. Dân quân tự vệ Việt Nam thành lập ngày, tháng, năm nào?**
5. 28/03/1935
6. 19/08/1945
7. 22/12/1944
8. 23/09/1945

**Câu 21. Luật Dân quân tự vệ của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ược ban hành từ năm:**

1. Năm 2009
2. Năm 2010
3. Năm 2008
4. Năm 2011

**Câu 22. Để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ có hiệu quả, chúng ta phải:**

1. Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan iểm, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về công tác dân quân tự vệ
2. Phát huy sức mạnh của các cấp, các ngành, các ịa phương và các tầng lớp nhân dân ể thực hiện công tác dân quân tự vệ
3. Phát huy sức mạnh của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân ể xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
4. Thường xuyên củng cố sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của các tầng lớp nhân dân ể thực hiện tốt công tác dân quân tự vệ.

**Câu 23. Dân quân tự vệ *“là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong thời bình”,* là một trong những nội dung cùa:**

1. Vị trí vai trò của dân quân tự vệ
2. Nội dung, nhiệm vụ của dân quân tự vệ
3. Chức năng cơ bản của dân quân tự vệ
4. Nhiệm vụ, chức trách của dân quân tự vệ

**Câu 24. Nhiệm vụ của dân quân tự vệ ược quy ịnh trong Luật Dân quân tự vệ 2009, là những nhiệm vụ:**

1. Cơ bản, thường xuyên trong mọi giai oạn cách mạng ối với mọi tổ chức dân quân tự vệ
2. Chủ yếu, thường xuyên của sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong thời chiến
3. Quan trọng nhất của dân quân tự vệ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
4. Cơ bản, thường xuyên xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong thời bình **Câu 25. Nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ cơ ộng là:**
5. Chiến ấu, tiêu hao, tiêu diệt ịch, chi viện cho lực lượng chiến ấu tại chỗ
6. Chiến ấu, tiêu diệt ịch, ánh bại ịch tiến công trên ịa bàn ịa phương
7. Chiến ấu, sẵn sàng chiến ấu trên ịa bàn ịa phương theo phương án
8. Chiến ấu, cơ ộng chiến ấu trên ịa bàn ịa phương theo kế hoạch

**Câu 26. Cấp xã, phường, thị trấn cơ cấu chính trị viên Ban chỉ huy quân sự phải là:**

1. Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm
2. Bí thư ảng ủy phụ trách
3. Bí thư Đoàn thanh niên kiêm nhiệm
4. Phó bí thư ảng ủy phụ trách

**Câu 27. Cấp xã, phường, thị trấn cơ cấu chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự phải là:**

1. Thành viên ủy ban nhân dân
2. Chủ tịch ủy ban kiêm nhiệm
3. Phó chủ tịch ủy ban phụ trách
4. Phó bí thư ảng ủy kiêm nhiệm

**Câu 28. Tại các ịa bàn trọng iểm về quốc phòng, an ninh, thành phần dân quân tự vệ còn có lực lượng:** A. Dân quân tự vệ thường trực

1. Dân quân tự vệ thường xuyên
2. Dân quân tự vệ trực ban
3. **Dân quân tự vệ trực chiến**

**Câu 29. Một trong những biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ hiện nay là:**

1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện
2. Phát huy sức mạnh của toàn dân trên tất cả các lĩnh vực hoạt ộng xã hội
3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, sẵn sàng chiến ấu cao
4. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp ở các ngành và ịa phương

**Câu 30. “*Phát huy sức mạnh tổng hợp trên ịa bàn ể xây dựng lực lượng dân quân tự vệ”* là một trong những nội dung của:**

1. Nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
2. Biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
3. Vị trí vai trò quan trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ
4. Nội dung cơ bản xây dưng lực lượng dân quân tự vệ **Câu 31. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, chúng ta phải:**
5. Thực hiện nghiêm túc, ầy ủ các chế ộ chính sách của Đảng và Nhà nước ối với lực lượng dân quân tự vệ
6. Thực hiện tốt ường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, ẩy mạnh sự nghiệp ổi mới
7. Thực hiện ầy ủ các quy ịnh của công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp
8. Thực hiện nghiêm túc, ầy ủ chương trình giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ

**Câu 32. *“Bảo ảm số lượng ủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng iểm”* là một trong những nội dung của:**

1. Quan iểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị ộng viên
2. Nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị ộng viên
3. Biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng dự bị ộng viên
4. Giải pháp cơ bản xây dựng lực lượng dự bị ộng viên

**Câu 33. Cơ quan thực hiện việc ăng ký, quản lý quân nhân dự bị ộng viên là:**

1. Ban chỉ huy quân sự xã (phường, thị trấn), Ban chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)
2. Ban lãnh ạo cơ quan, ơn vị công tác, Ban chỉ huy quân sự các cơ quan, ơn vị công tác
3. Ban chỉ huy quân sự xã (phường, thị trấn), Ban chỉ huy ơn vị, cơ quan dự bị ộng viên
4. Ban chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) và ơn vị dự bị ộng viên

**Câu 34. Một trong những nguyên tắc sắp xếp quân nhân dự bị vào các ơn vị dự bị ộng viên là:**

1. Theo trình ộ chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kỹ thuật
2. Theo khả năng về sức khỏe, tuổi ời và nơi cư trú
3. Theo trình ộ chuyên môn nghiệp vụ, theo nghề nghiệp
4. Theo trình ộ kỹ thuật, chiến thuật, chức vụ và sức khỏe.

**Câu 35. Việc bảo ảm vật chất, kinh phí xây dựng lực lương dự bị ộng viên hàng năm do:**

1. Chính phủ giao chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, ịa phương thực hiện
2. Các bộ, ngành, ịa phương phối hợp với các ơn vị dự bị ộng viên thực hiện
3. Các ịa phương chủ ộng phối hợp với các ơn vị dự bị ộng viên thực hiện
4. Chính phủ giao chỉ tiêu cho các ơn vị dự bị ông viên và ịa phương thực hiện **Câu 36. Quyết ịnh và thông báo quyết ịnh ộng viên công nghiệp quốc phòng do:**
5. Chính phủ quy ịnh
6. Bộ quốc phòng quy ịnh
7. Chủ tịch nước quy ịnh
8. Chủ tịch Quốc hội quy ịnh

**Câu 37. Một trong những nội dung xây dựng lực lượng dự bị ộng viên là:**

1. Tạo nguồn, ăng ký, quản lý lực lượng dự bị ộng viên
2. Tạo nguồn, biên chế và ăng ký lực lượng dự bị ộng viên
3. Tạo nguồn, tổ chức và quản lý lực lượng dự bị ộng viên
4. Tạo nguồn, quản lý và kiểm tra lực lượng dự bị ộng viên **Câu 38. Thực chất của xây dựng lực lượng dự bị ộng viên là:**
5. Chuẩn bị nguồn nhân lực, phương tiện kỹ thuật ể bổ sung, mở rộng quân ội
6. Xây dựng phong trào quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân tại ịa phương
7. Chuẩn bị hợp lý nhân lực cho bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
8. Động viên mọi người tham gia lực lượng quân ội nhân dân Việt Nam **Câu 39. Trong thời chiến, dân quân tự vệ là lực lượng:** A. Nòng cốt cho toàn dân ánh giặc tại ịa phương
9. Xung kích cho toàn dân chiến ấu, phục vụ chiến ấu
10. Nòng cốt cho toàn dân cả nước ánh giặc D. Xung kích trong mọi hoạt ộng chiến ấu ở cơ sở

**Câu 40. Thời hạn phục vụ của lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt theo Luật Dân quân tự vệ năm 2009 là:**

1. 4 năm
2. 3 năm
3. 2 năm
4. 5 năm

**Câu 41. Tổ chức ơn vị dân quân tự vệ cao nhất là:**

1. Tiểu oàn, hải oàn
2. Lữ oàn, hải oàn
3. Đại ội, hải ội
4. Trung ội, hải ội

**Câu 42. Vũ khí, trang bị cho dân quân tự vệ, từ nguồn nào cũng ều là:**

1. Tài sản của Nhà nước giao cho dân quân tự vệ quản lý
2. Vật chất của Nhà nước giao cho dân quân tự vệ quản lý
3. Tài sản của quốc phòng giao cho dân quân tự vệ quản lý
4. Vật chất của ịa phương giao cho dân quân tự vệ quản lý

**Câu 43. Đối tượng tạo nguồn hạ sỹ quan, binh sỹ dự bị ộng viên là:**

1. Quân nhân ã hoàn thành nghĩa vụ quân sự có ủ iều kiện quy ịnh
2. Dân quân tự vệ nòng cốt có ủ iều kiện theo quy ịnh
3. Hạ sỹ quan, chiến sỹ ang tại ngũ có ủ iều kiện quy ịnh
4. Dân quân tự vệ rộng rãi có ủ iều kiện quy ịnh

**Câu 44. Biên chế dân quân tự vệ ược thống nhất trong toàn quốc do:**

1. Bộ Quốc phòng quy ịnh
2. Các quân khu quy ịnh
3. Chính phủ quy ịnh
4. Quốc hội quy ịnh

**Câu 45. Thời iểm sử dụng lực lượng dự bị ộng viên là:**

1. Khi có lệnh ộng viên
2. Lúc chiến tranh xảy ra
3. Khi nguy cơ bị xâm lược D. Nếu quân ội suy yếu

**Câu 46. Việc lựa chọn, giao nhiệm vụ ộng viên công nghiệp quốc phòng cho các doanh nghiệp công nghiệp phải bảo ảm:**

1. Tính ồng bộ theo nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của quân ội
2. Sự thống nhất giữa công nghiệp dân dụng với công nghiệp quốc phòng
3. Tính xuyên suốt áp ứng nhu cầu sản xuất của công nghiệp quốc phòng
4. Đầy ủ hợp lý, ồng bộ theo nhu cầu sản xuất, sửa chữa của quân ội

**Câu 47. Xây dựng lực lượng dự bị ộng viên là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của:**

1. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân
2. Lực lượng vũ trang nhân dân
3. Các cấp, các ngành và nhân dân
4. Các ịa phương và quân ội

**Câu 48. Khi sắp xếp quân nhân dự bị vào các ơn vị dự bị ộng viên phải theo nguyên tắc:**

1. Sắp xếp những quân nhân dự bị cư trú gần nhau vào từng ơn vị
2. Theo yêu cầu của từng ịa phương và nguyện vọng của quân nhân
3. Đúng nguyện vọng và trình ộ chuyên nghiệp của mọi quân nhân
4. Theo sự chỉ ạo thống nhất của Bộ trưởng Bộ quốc phòng

**Câu 49. Phạm vi khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp ể ộng viên công nghiệp quốc phòng là:**

1. Tất cả các doanh nghiệp công nghiệp của Việt Nam
2. Các doanh nghiệp công nghiệp quốc doanh Việt Nam
3. Tất cả mọi doanh nghiệp công nghiệp cả nước Việt Nam
4. Các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp Việt Nam

**Câu 50. Lực lượng bảo ảm mở rộng quân ội khi ất nước có chiến tranh xâm lược là:**

1. Lực lượng dự bị ộng viên
2. Lực lượng oàn viên thanh niên
3. Lực lượng vũ trang dự bị
4. Lực lượng quân nhân xuất ngũ

**Câu 51. Thực chất của xây dựng lực lượng dự bị ộng viên là chuẩn bị nguồn nhân lực bổ sung, mở rộng lực lượng quân ội khi:**

1. Chuyển ất nước sang trạng thái chiến tranh
2. Xây dựng phong trào quốc phòng toàn dân ở ịa phương
3. Lực lượng quân ội thiếu hụt không bảo ảm chiến ấu
4. Đất nước cần phát huy khả năng của quân nhân xuất ngũ

**Câu 52. Khi sắp xếp quân nhân dự bị vào các ơn vi dự bị ộng viên, nếu hết người có trình ộ chuyên nghiệp quân sự mà vẫn còn thiếu thì:**

1. Sắp xếp người có trình ộ chuyên nghiệp quân sự tương ứng
2. Đề nghị cấp trên iều ộng từ ịa phương, ơn vị khác ến
3. Sử dụng lực lượng dân quân thường trực bổ sung cho ủ
4. Chờ ợt sau bổ sung cho úng trình ộ chuyên nghiệp quân sự

**Câu 53. Trong công tác chuẩn bị ộng viên công nghiệp quốc phòng, phải thực hiện:**

1. Giao chỉ tiêu ộng viên
2. Giao kế hoạch ộng viên
3. Giao nhiệm vụ ộng viên
4. Giao tiêu chuẩn ộng viên

**Câu 54. Trong thực hành ộng viên công nghiệp quốc phòng, phải tổ chức:**

1. Bảo ảm vật tư, tài chính
2. Dự trữ vật tư, tài chính
3. Di chuyển vật chất, tài chính
4. Huy ộng sức người, sức của

**Câu 55. Để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, chúng ta phải:**

A. Phát huy sức mạnh tổng hợp trên ịa bàn B. Huy ộng sức mạnh tổng hợp trên ịa bàn

1. Phát huy khả năng về mọi mặt trên ịa phương
2. Huy ộng tiềm năng của các ịa phương

**Câu 56. Phương tiện kỹ thuật của lực lượng dự bị ộng viên thường gồm:**

1. Phương tiện vận tải, làm ường, xếp dỡ, thông tin liên lạc, y tế và một số phương tiện khác.
2. Phương tiện xếp dỡ, san lấp mặt bằng, cầu phà, thông tin liên lạc và một số phương tiện khác C. Phương tiện thông tin liên lạc, y tế, phương tiện vận tải, cứu hỏa và một số phương tiện khác

D. Phương tiện vận tải, cầu ường, thông tin liên lạc và các thiết bị khoa học công nghệ **Câu 57. Nguyên tắc lãnh ạo của Đảng ối với lực lượng dự bị ộng viên nhằm mục ích:**

1. Bảo ảm sức mạnh của quân ội, áp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN
2. Duy trì sức mạnh chiến ấu của lực lượng dự bị ộng viên áp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới
3. Hoàn thiện cơ chế lãnh ạo và tăng cường chất lượng cho lực lượng vũ trang nhân dân
4. Hoàn thiện và tăng cường số lượng, chất lượng cho lực lượng vũ trang khi có chiến tranh.

**Câu 58. Quyền hạn bổ nhiệm các chức vụ trong ban chỉ huy quân sự xã là:**

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện
2. Chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự huyện
3. Chính trị viên ban chỉ huy quân sự huyện
4. Bí thư ảng ủy huyện

**Câu 59. Độ tuổi công dân Việt Nam tình nguyện tham gia lực lượng dân quân tự vệ là:**

1. Nam từ ủ 18 tuổi ến hết 50 tuổi, nữ từ ủ 20 tuổi ến hết 45 tuổi
2. Nam từ ủ 18 tuổi ến hết 45 tuổi, nữ từ ủ 18 tuổi ến hết 40 tuổi
3. Nam từ ủ 20 tuổi ến hết 50 tuổi, nữ từ ủ 18 tuổi ến hết 45 tuổi

C. Nam từ ủ 20 tuổi ến hết 45 tuổi, nữ từ ủ 20 tuổi ến hết 40 tuổi **Câu 60. Cấp xã có thể tổ chức ơn vị dân quân cao nhất ến:**

1. Trung ội dân quân cơ ộng
2. Tiểu oàn dân quân cơ ộng
3. Tiểu ội dân quân cơ ộng
4. Đại ội dân quân cơ ộng **Câu 61. Quân nhân dự bị gồm:**
5. Sỹ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sỹ quan và binh sỹ dự bị
6. Sỹ quan dự bị, hạ sỹ quan dự bị và quân nhân chuyên nghiệp dự bị
7. Hạ sỹ quan, binh sỹ dự bị, các lực lượng dự bị khác
8. Tất cả mọi người ã qua nghĩa vụ quân sự và tất cả các quân nhân khác **Câu 62: Đối tượng tạo nguồn sỹ quan dự bị ộng viên:**
9. Nam sinh viên tốt nghiệp ại học
10. Sỹ quan ang tại ngũ
11. Hạ sỹ quan và binh sỹ tại ngũ
12. Chiến sỹ chuẩn bị xuất ngũ

**Câu 63: Nội dung thực hành ộng viên công nghiệp quốc phòng:** A. Giao, nhận sản phẩm ộng viên.

1. Hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa.
2. Giao chỉ tiêu ộng viên.
3. Bồi dưỡng chuyên môn, tay nghề cho người lao ộng, diễn tập ộng viên

**Câu 64. Kinh tế thị trường phát triển và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tạo thuận lợi cho thực hiện ộng viên công nghiệp quốc phòng:**

1. Có nhiều doanh nghiệp ể lựa chọn ộng viên
2. Có ội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ cao
3. Có ội ngũ công nhân tay nghề cao
4. Có nhiều doanh nghiệp công nghệ cao, hiện ại

**Câu 65. Khó khăn cho thực hiện ộng viên công nghiệp quốc phòng trong kinh tế thị trường phát triển và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế:**

1. Bảo ảm bí mật quân sự
2. Bảo ảm an sinh xã hội
3. Bảo ảm an ninh trật tự
4. Bảo ảm nguồn nhân lực

**Câu 66. Thực hiện nghiêm túc, ầy ủ các chế ộ chính sách của Đảng, Nhà nước ối với lực lượng dự bị ộng viên là:**

1. Nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân
2. Thực hiện sự công bằng của mọi công dân cả nước trong chính sách xã hội
3. Thể hiện sự quan tâm của toàn xã hội ối với lực lượng vũ trang nhân dân
4. Nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc **Câu 67. Thực chất của ộng viên công nghiệp quốc phòng là:**
5. Huy ộng doanh nghiệp công nghiệp dân sự vào phục vụ quốc phòng
6. Kêu gọi, ộng viên các lực lượng công nghiệp vào phục vụ quốc phòng
7. Huy ộng các sản phẩm công nghiệp cho mục ích quốc phòng
8. Đặt hàng công nghiệp dân dụng cho công nghiệp quốc phòng

**Câu 68. Đặc iểm tác ộng ến việc tổ chức và thực hành ộng viên công nghiệp quốc phòng ở nước ta hiện nay:**

1. Sự phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế
2. Truyền thống oàn kết chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam
3. Toàn dân ang ẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện ại hóa ất nước D. Truyền thống và nghệ thuật xây dựng lực lượng quân sự của Đảng

**Câu 69. Trong công tác chuẩn bị ộng viên công nghiệp quốc phòng, các doanh nghiệp ược giao nhiệm vụ ộng viên phải căn cứ vào kế hoạch của cấp trên ể:**

1. Lập kế hoạch ộng viên công nghiệp quốc phòng cho doanh nghiệp mình
2. Xây dựng phương án ộng viên công nghiệp quốc phòng của doanh nghiệp mình
3. Lập kế hoạch sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp phù hợp với nhiệm vụ
4. Lắp ặt, xây dựng hệ thống dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp mình

**Câu 70. Công tác xây dựng lực lượng dự bị ộng viên là biểu hiện quán triệt quan iểm về:**

1. Sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
2. Thống nhất giữa hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
3. Sự nhất trí giữa nhiệm vụ xây dựng CNXH và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc
4. Thấu suốt hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng của Tổ quốc Việt Nam XHCN

# BÀI 10 (20 Câu)

**Câu 1. *“Hình thức thích hợp ể tập hợp, thu hút ông ảo quần chúng lao ộng và giải quyết những nhiệm vụ ặt ra trong công tác bảo vệ an ninh trật tự”* là một trong những vị trí, tác dụng của:** A. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

1. Phong trào phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội
2. Phong trào vì an ninh, trật tự Tổ quốc
3. Phong trào giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

**Câu 2. Một trong những vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:**

1. Một bộ phận gắn bó chặt chẽ với phong trào cách mạng khác trong cả nước cũng như từng ịa phương
2. Một bộ phận liên quan chặt chẽ, gắn bó với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội
3. Một nội dung quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong cả nước cũng như từng ịa phương
4. Một thành phần không thể thiếu trong phong trào cách mạng XHCN **Câu 3. Mục ích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:**
5. Huy ộng sức mạnh của nhân dân ể phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, ấu tranh với các loại tội phạm
6. Giúp cho lực lượng công an có iều kiện triển khai sâu rộng công tác nghiệp vụ phòng chống tội phạm
7. Trực tiếp phòng ngừa, ấu tranh chống tội phạm, ngăn chặn các tệ nạn xã hội
8. Huy ộng sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội ể phòng chống tội phạm **Câu 4. Xây dựng iển hình và nhân iển hình tiên tiến là nội dung của:**
9. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
10. Nhiệm vụ của quần chung nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc
11. Đặc iểm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
12. Mục ích của phong trào oàn kết nhân dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

**Câu 5: Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc, lực lượng công an có hạn, không thể dựa vào chuyên môn mà phải cần ến:**  A. Tai mắt của nhân dân B. Tiếng nói của nhân dân

1. Sự có mặt của nhân dân
2. Sự hiện diện của nhân dân

**Câu 6: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc luôn:**

1. Giữ vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng
2. Có vai trò quan trọng trong sự nghiệp cách mạng
3. Giữ vị trí chủ yếu trong bảo vệ an ninh Tổ quốc
4. Có ý nghĩa quyết ịnh trong bảo vệ an ninh quốc gia

**Câu 7. *“Vận ộng toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm”* là một trong những nội dung cơ bản của:**

1. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
2. Công tác vận ộng quần chúng nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng
3. Công tác tuyên truyền của lực lượng công an nhân dân
4. Công tác vận ộng quần chúng của các cấp, các ngành

**Câu 8. Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:**

1. Xây dựng và mở rộng liên kết phối hợp chặt chẽ với các ngành, các oàn thể quần chúng, các

tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào của ịa phương

1. Mở rộng liên kết phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, cơ quan, ơn vị trong phong trào thi ua ở ịa phương
2. Phối hợp chặt chẽ với các phong trào thi ua khen thưởng của các ngành, các cấp từ trung ương tới ịa phương trong phạm vi cả nước
3. Xây dựng và duy trì liên kết chặt chẽ với các ngành, các tổ chức quần chúng trong các phong trào của các bộ, ngành

**Câu 9. *“Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, oàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh”* là một trong những nội dung cơ bản của:**

1. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
2. Công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội
3. Công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở
4. Công tác giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

**Câu 10. Một trong những vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:**

1. Là hình thức cơ bản ể tập hợp thu hút ông ảo quần chúng phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự
2. Một bộ phận liên quan chặt chẽ, gắn bó với nhiệm vụ bảo vệ ANQG và trật tự an toàn xã hội
3. Một thành phần không thể thiếu trong phong trào cách mạng XHCN ể bảo vệ ANTQ
4. Một hình thức quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong cả nước cũng như từng ịa phương

**Câu 11. Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:**

1. Vận ộng toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm
2. Nắm tình hình, xây dựng kế hoạch phát ộng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ
3. Vận ộng nhân dân xây dựng khu dân cư văn hóa, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
4. Nắm tình hình và vận ộng toàn dân tích cực tham gia phong trào bảo vệ an ninh trật tự **Câu 12. Quần chúng nhân dân ông ảo là nền tảng, là chỗ dựa vững chắc ể tổ chức xây dựng nền an ninh nhân dân là nội dung của:**
5. Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ tổ quốc
6. Ý nghĩa của quần chúng nhân dân trong bảo vệ tổ quốc
7. Đặc iểm của quần chúng nhân dân trong bảo vệ tổ quốc
8. Hiệu quả của quần chúng nhân dân trong bảo vệ tổ quốc

**Câu 13. Trong phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, trước tiên phải:**

1. Điều tra nghiên cứu tình hình
2. Xây dựng chương trình hoạt ộng
3. Tuyên truyền cho mọi người
4. Xác ịnh cách thức thực hiện

**Câu 14: *“Ngày Hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”?***

1. Ngày 19/8
2. Ngày 08/9
3. Ngày 19/5
4. Ngày 23/9

**Câu 15: “Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự” là một trong những nội dung của:**

1. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
2. Nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
3. Nhiệm vụ của phong Trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
4. Biện pháp của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

**Câu 16. Đội Cờ ỏ là tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ an ninh trật tự trong nhà trường là một tổ chức quần chúng có chức năng:**

1. Thực hành
2. Tư vấn C. Quản lý

D. Điều hành

**Câu 17. Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:**

1. Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, oàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh
2. Tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh

trật tự

1. Xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai tuyên truyền, giáo dục cho toàn dân tự giác tham gia phong

trào

1. Tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn nhân dân xây dựng ời sống văn hóa tại khu dân cư

**Câu 18: Trong xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng nòng cốt làm hạt nhân ể xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Hội ồng an ninh trật tự cơ sở là tổ chức:** A. Có chức năng tư vấn

1. Có nhiệm vụ giám sát
2. Có chức năng kiểm tra
3. Có trách nhiệm theo dõi

**Câu 19: Để huy ộng ược sức mạnh của toàn dân tham gia nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong quá trình xây dựng phong trào, cần phải có sự phối, kết hợp chặt chẽ giữa:**

1. Các lực lượng, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội ở ịa phương
2. Các bộ, các ngành, các tổ chức quần chúng và công an xã, phường
3. Công an với quân ội, các tổ chức quần chúng nhân dân trên ịa bàn
4. Các tầng lớp nhân dân, các lực lượng vũ trang và bán vũ trang

**Câu 20: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn liền với các cuộc vận ộng khác của Đảng và Nhà nước, gắn liền với việc:**

1. Thực hiện các chính sách ở ịa phương
2. Thực hiện công bằng ở ịa phương
3. B. Xây dựng môi trường xanh, sạch, ẹp
4. D. Xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh

**BÀI 13 (45 Câu) Câu 1. Bảo vệ an ninh quốc gia là:**

1. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, ấu tranh làm thất bại các hoạt ộng xâm hại an ninh quốc

gia

1. Bảo vệ các hoạt ộng phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và ấu tranh với mọi âm mưu thủ oạn phá hoại của kẻ thù
2. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, ấu tranh làm thất bại các hoạt ộng xâm phạm bí mật quốc gia, các công trình của Nhà nước và các mục tiêu quan trọng về quốc phòng, an ninh
3. Bảo vệ các công trình, cơ sở chính trị, an ninh,quốc phòng, kinh tế khoa học công nghệ của Nhà nước.

**Câu 2. Lĩnh vực ược xác ịnh là cốt lõi, xuyên suốt nhất trong bảo vệ an ninh quốc gia là:**

1. An ninh chính trị
2. An ninh kinh tế
3. An ninh xã hội
4. An ninh quốc phòng

**Câu 3. Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh trên biển của nước ta hiện nay là:**

1. Cảnh sát biển
2. Bộ ội Biên phòng
3. Công an nhân dân
4. An ninh quân ội

**Câu 4. *“Bảo vệ môi trường”* là một trong những nội dung của công tác:**

1. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
2. Giữ gìn nguồn nước sinh hoạt
3. Giữ gìn an toàn các khu công nghiệp
4. Giữ gìn vệ sinh, an toàn lao ộng

**Câu 5. Để bảo ảm thắng lợi hoàn toàn và triệt ể trong cuộc ấu tranh bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, lực lượng công an phải:**

1. Kết hợp phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn
2. Kết hợp sức mạnh của quần chúng với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc công an nhân dân
3. Kết hợp tai, mắt của quần chúng nhân dân với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn công an nhân dân
4. Kết hợp tính tự giác cách mạng của quần chúng với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn

**Câu 6. Quan iểm của Đảng, Nhà nướ c tatrong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội ã chỉ rõ là phải kết hợp chặt chẽ:**

1. Nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc
2. Công tác phòng ngừa với iều tra xử lý tội phạm
3. Công tác giáo dục tuyên truyền với xử lý nghiêm minh
4. Công tác trật tự xã hội với công tác quốc phòng toàn dân

**Câu 7. Mối quan hệ giữa bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là:**

1. TTATXH ược giữ vững sẽ tạo iều kiện cho an ninh quốc gia càng ược củng cố vững chắc
2. ANQG gia hoạt ộng ộc lập, không có liên quan ến công tác giữ gìn TTATXH
3. ANQG gia quyết ịnh trực tiếp và lâu dài ến công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội
4. TTATXH chi phối trực tiếp cả trước mắt và lâu dài ến công tác bảo vệ an ninh quốc gia

**Câu 8. Nội dung thể hiện quan iểm của Đảng, Nhà nước ta trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là:**

1. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân
2. Phát huy vai trò giám sát của các tổ chức Đảng
3. Tăng cường công tác tuyên truyền của các tổ chức xã hội
4. Tăng cường vai trò hoạt ộng giám sát của Nhà nước

**Câu 9. *“Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội”* là một trong những nội dung của:**

1. Quan iểm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
2. Giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
3. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
4. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội **Câu 10. Cơ quan bảo vệ pháp luật ở nước ta hiện nay là:**
5. Công an, viện kiểm sát, tòa án
6. Công an, quân ội, tòa án quân sự
7. Cảnh sát iều tra, cảnh sát biển, viện kiểm sát D. Cảnh sát phòng chống tội phạm, viện kiểm sát

**Câu 11. Lực lượng có chức năng làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là:**

1. Công an nhân dân
2. An ninh nhân dân
3. Quần chúng nhân dân
4. Cảnh sát nhân dân

**Câu 12. Bảo vệ an ninh kinh tế là:**

1. Bảo vệ sự ổn ịnh và phát triển của nền kinh tế
2. Duy trì ổn ịnh kinh tế thị trường XHCN
3. Bảo vệ lợi ích ích kinh tế của quốc gia
4. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện ại hóa ất nước

**Câu 13. Hành vi doanh nghiệp xả thải trực tiếp ra môi trường là vi phạm:**

1. Bảo vệ môi trường
2. Trật tự công cộng

B. An ninh công cộng D. Môi trường xã hội

**Câu 14. Trạng thái xã hội bình yên, trong ó mọi người ược sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực ạo ức, pháp lý xác ịnh, là nội dung của:**

1. Trật tự an toàn xã hội
2. Trật tự an ninh xã hội
3. Trật tự an toàn quốc gia
4. Trật tự an ninh quốc gia

**Câu 15. Một trong những nội dung giữ gìn trật tự an toàn xã hội là:**

1. Giữ gìn trật tự công cộng
2. Bảo ảm trật tự công cộng
3. Bảo ảm an toàn lao ộng
4. Giữ gìn an toàn vệ sinh thực phẩm

**Câu 16. Quan iểm của Đảng, Nhà nước ta trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là phải tăng cường:**

1. Hiệu lực quản lý của Nhà nước
2. Hiệu quả quản lý của các tổ chức
3. Kiểm tra, xử phạt của lực lượng công an
4. Hiệu lực quản lý của toàn xã hội

**Câu 17. *“Đảng lãnh ạo trực tiếp về mọi mặt là nhân tố quyết ịnh thắng lợi của cuộc ấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội”* là một trong những nội dung thể hiện:**

1. Quan iểm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
3. Tính chất bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
4. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

**Câu 18. *“Bảo vệ sự ổn ịnh, phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo ịnh hướng XHCN”* là một nội dung của:**

1. Bảo vệ an ninh kinh tế
2. Bảo vệ an toàn nền kinh tế
3. Bảo vệ an ninh trật tự xã hội
4. Bảo vệ an ninh xã hội

**Câu 19. *“Phòng ngừa tai nạn lao ộng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh”* là một trong những nội dung của:**

1. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
2. Bảo vệ an ninh quốc gia
3. Giữ gìn tính mạng, tài sản nhân dân
4. Giữ vững an ninh Tổ quốc

**Câu 20. Nòng cốt trong sự ngiệp bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là lực lượng:**

1. Công an nhân dân
2. Bộ ội biên phòng
3. Dân quân tự vệ
4. Cảnh sát an ninh

**Câu 21. *“Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội”* là một trong những nội dung thể hiện:**

1. Quan iểm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
2. Tính chất bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
3. Yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
4. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

**Câu 22. *“Bảo ảm ngân sách và cơ sở vật chất cho các hoạt ộng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội”* là một trong những công việc thuộc vai trò quản lý của:** A. Nhà nước

1. Địa phương
2. Công an
3. Quốc hội

**Câu 23. Nòng cốt trong bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, lực lượng công an là:**

1. Chỗ dựa trực tiếp và thường xuyên cho các ngành, các cấp và quần chúng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
2. Trung tâm và thường xuyên cho các ngành, các cấp và quần chúng trong bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội
3. Đòn bẩy và trụ cột cho toàn xã hội trong bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
4. Điều kiện và chỗ dựa chủ yếu cho các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

**Câu 24. Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là:**

1. Bảo vệ an ninh trên các lĩnh vực tư tưởng – văn hóa, an ninh kinh tế, quốc phòng, ối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia
2. Phòng ngừa, ấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các lực lượng phản ộng xâm hại an ninh quốc gia
3. Phát hiện, ngăn chặn, ấu tranh làm thất bại các hoạt ộng phá hoại tài sản quốc gia và trật tự an toàn xã hội
4. Bảo vệ an toàn các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, các lực lượng vũ trang, oàn thể cách mạng và nhân dân.

**Câu 25. *“Bảo vệ bí mật Nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia”* là một trong những nội dung của:**

1. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia
2. Nội dung của bảo vệ an ninh quốc gia
3. Giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia
4. Yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia

**Câu 26. Vai trò lãnh ạo của Đảng ta về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là:**

1. Đảng lãnh ạo trực tiếp, tuyệt ối về mọi mặt
2. Đảng ề ra ường lối và giao cho Nhà nước thực hiện
3. Đảng trực tiếp chỉ ạo Nhà nước và toàn xã hội thực hiện
4. Đảng xác ịnh ường lối, chính sách và chỉ ạo cả nước thực hiện

**Câu 27. *“Giữ gìn trật tự, yên tĩnh chung, giữ gìn vệ sinh chung, duy trì nếp sống văn minh, tôn trọng lẫn nhau”* là thể hiện nội dung của:**

1. Giữ gìn trật tự nơi công cộng
2. Giữ gìn môi trường công cộng
3. Bảo ảm trật tự xã hội
4. Bảo ảm trật tự nơi công cộng

**Câu 28. Bảo vệ an ninh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ối ngoại là bảo vệ:**

1. Sức mạnh của lực lượng vũ trang và hoạt ộng quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước
2. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới, an ninh trật tự và các quan hệ ngoại giao của ất nước
3. Bí mật quân sự, an ninh trật tự và các hoạt ộng quốc tế của Đảng và Nhà nước ta D. Lợi ích quốc phòng, an ninh, phòng chống tội phạm và các cơ quan, tổ chức ối ngoại **Câu 29. *“Bảo vệ chế ộ chính trị và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, bảo vệ ộc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”* là một trong những nội dung của:**
4. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia
5. Nhiệm vụ bảo vệ an toàn quốc gia C. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia

D. Giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia

**Câu 31. Một trong những nội dung giữ gìn trật tự an toàn xã hội là:**

1. Phòng chống tệ nạn xã hội
2. Bài trừ mê tín dị oan
3. Bài trừ tệ nạn cờ bạc
4. Phòng chống mại dâm

**Câu 32. Sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là sự nghiệp cách mạng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là thể hiện:** A. Tính quần chúng

1. Tính dân tộc
2. Tính chính trị
3. Tính xã hội

**Câu 33. Hành vi sinh viên xả rác trong phòng học là vi phạm về:**

1. Giữ gìn trật tự nơi công cộng
2. Bảo vệ môi trường
3. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội D. Bảo vệ trật tự, an ninh

**Câu 34. Những người có hành vi phạm tội gây thiệt hại ến tài sản, ến tính mạng, sức khỏe, danh dự, phẩm giá con người, hành vi vi phạm trật tự an toàn xã hội, nhưng không có mục ích chống lại Nhà nước là:**

1. Đối tượng xâm phạm về trật tự an toàn xã hội
2. Đối tượng xâm phạm an ninh, lợi ích quốc gia
3. Đối tượng xâm phạm an ninh, lợi ích xã hội

C. Đối tượng xâm phạm trật tự xã hội, quốc gia

**Câu 35. Bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa, trước tiên là phải bảo vệ::**

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh
2. Đường lối chính sách của Đảng và nền văn hóa
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị văn hóa dân tộc
4. Sự ổn ịnh chính trị, tư tưởng và nền văn hóa dân tộc

**Câu 36. *“Bảo vệ việc thực hiện ường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước”* là nội dung của:**

A. Bảo vệ an ninh chính trị B. Bảo vệ an ninh tư tưởng

C. Bảo vệ an ninh văn hóa D. Bảo vệ an ninh kinh tế

**Câu 37. Một trong những nội dung thuộc vai trò quản lý của Nhà nước trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là thường xuyên:**

1. Quan tâm xây dựng các cơ quan chuyên trách
2. Củng cố kiện toàn các tổ chức quần chúng C. Xây dựng củng cố các tổ chức an ninh trật tự cơ sở

D. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ở cơ sở

**Câu 38. Đối tượng xâm phạm trật tự an toàn xã hội khác biệt cơ bản với ối tượng xâm phạm an ninh quốc gia là:**

1. Không có mục ích chống lại Đảng, Nhà nước
2. Chống phá Đảng, Nhà nước và chế ộ xã hội
3. Hoạt ộng thành băng nhóm có tổ chức
4. Phạm tội về an ninh quốc gia, trật tự xã hội

**Câu 39. Một trong những nội dung thể hiện quan iểm của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là:**

1. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội
2. Đảng lãnh ạo trực tiếp, toàn diện thông qua Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
3. Phát huy hiệu lực của các tổ chức quần chúng và sức mạnh tổng hợp của cả nước ể bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
4. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

**Câu 40. Một bộ phận quan trọng trong chiến lược an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội là:**

1. Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm
2. Chương trình toàn dân phòng chống tội phạm
3. Chương trình quốc gia bảo vệ an ninh D. Chương trình quốc gia trật tự, an toàn xã hội

**Câu 41. Trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, sinh viên phải có trách nhiệm:**

1. Tham gia xây dựng nếp sống văn minh trật tự trong nhà trường và nơi cư trú
2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và trách nhiệm của mọi công dân
3. Chủ ộng phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hoạt ộng xâm phạm an ninh quốc gia
4. Phối hợp với các lực lượng, tích cực, chủ ộng, kiên quyết, liên tục tiến công tội phạm **Câu 42. Đối tượng xâm phạm ến an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay là:**
5. Bọn gián iệp, bọn phản ộng
6. Bọn tội phạm kinh tế, hình sự
7. Bọn xâm phạm trật tự an toàn xã hội
8. Bọn cơ hội, tham nhũng

**Câu 43. Nội dung bảo vệ an ninh lãnh thổ là:**

1. Bảo ảm an ninh chính trị, TTATXH khu vực biên giới, vùng ồng bào dân tộc thiểu số
2. Bảo vệ nội bộ, ội ngũ cán bộ trong các cơ quan kinh tế
3. Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá hoạt ộng kinh tế của các thế lực thù ịch.
4. Bảo vệ các ịa bàn trọng yếu, khối ại oàn kết toàn dân tộc. **Câu 44. Vấn ề cốt lõi của bảo vệ an ninh tư tưởng là:**
5. Bảo vệ chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh
6. Bảo vệ sự ổn ịnh chính trị, sự vững mạnh của chế ộ
7. Bảo vệ ường lối chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước
8. Bảo vệ nhà nước, lòng tin của quần chúng nhân dân

**Câu 45. *“Tăng cường quản lý Nhà nước về trật tự an toàn xã hội, ngăn ngừa và làm giảm tai nạn, tệ nạn xã hội, bảo ảm trật tự kỷ cương”, là nội dung của:***

1. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
2. Quan iểm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
3. Tính chất bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội
4. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội

---------------------------------